

## THÔNG BÁO

**Danh sách cán bộ, viên chức và người lao động đủ thời gian xét nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung và danh sách các nhà giáo được nâng phụ cấp thâm niên Nhà giáo đợt 2, năm 2020**

Căn cứ các văn bản: Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ công chức, viên chức; Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo và Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Nhà trường thông báo đến toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động các nội dung sau:

1. Danh sách những cán bộ, viên chức, người lao động đủ điều kiện về thời gian (tính đến 31/12/2020) được xét nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 2 năm 2020 (có danh sách kèm theo).

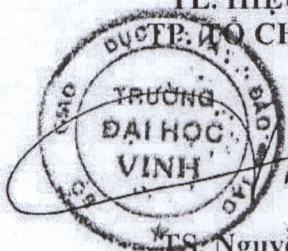
2. Danh sách các Nhà giáo đủ thời gian được xét nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 2, năm 2020 (có danh sách kèm theo).

Để đảm bảo quyền lợi của cán bộ, viên chức, người lao động, đề nghị Trường các đơn vị, Chủ tịch Công đoàn bộ phận thông báo cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị mình được biết. Các đơn vị gửi văn bản xác nhận danh sách cán bộ, viên chức và người lao động đủ thời gian xét nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung và danh sách các nhà giáo được nâng phụ cấp thâm niên Nhà giáo đợt 2, năm 2020 (đính chính sai sót, bổ sung, các kiến nghị nếu có) gửi về Trường (qua phòng Tổ chức Cán bộ) trước ngày 15 tháng 12 năm 2020./.

### Nơi nhận:

- Các đơn vị trong trường;
- Ban giám hiệu;
- Công đoàn Trường (để p/h);
- Đăng iOffice;
- Lưu: HCTH, TCCB.

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TỔ CHỨC CÁN BỘ



\*TS. Nguyễn Anh Dũng



DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỜI GIAN ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN, PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 2, NĂM 2020**  
(Kèm theo Thông báo số: 165 /TB-DHV, ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Trường Đại học Vinh)

| TT | Họ và tên                                                    | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn | Mã số chức danh nghề nghiệp/Ngạch lương, bậc lương, hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung hiện hưởng |           |             |                        |            |                                      | Mã số chức danh nghề nghiệp/Ngạch lương, bậc lương, hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung mới |             |                        |                |                                   |                             | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------|----------|------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|----------------|-----------------------------------|-----------------------------|---------|
|    |                                                              | Nam      | Nữ   |                     | Mã số chức danh nghề nghiệp/Mã ngạch                                                                     | Bậc lương | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên VK | Ngày hưởng | Mã số chức danh nghề nghiệp/Mã ngạch | Bậc lương                                                                                         | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên VK | Chênh lệch HSL | Số tháng được hưởng mức lương mới | Mốc tính nâng lương lần sau |         |
| 1  | 2                                                            | 3        | 4    | 5                   | 6                                                                                                        | 7         | 8           | 9                      | 10         | 11                                   | 12                                                                                                | 13          | 14                     | 15             | 16                                | 17                          | 18      |
| I  | Danh sách cán bộ, viên chức được nâng bậc lương thường xuyên |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
|    | Ban quản lý Cơ sở II                                         |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 1  | Nguyễn Thị Thanh Quyên                                       |          | 1981 | Thạc sĩ             | 01.003                                                                                                   | 2         | 2.67        |                        | 01/10/2017 | 01.003                               | 3                                                                                                 | 3.00        |                        | 0.33           | 3                                 | 01/10/2020                  |         |
| 2  | Phan Hữu Tiếp                                                | 1985     |      | Đại học             | 01.003                                                                                                   | 2         | 2.67        |                        | 01/10/2017 | 01.003                               | 3                                                                                                 | 3.00        |                        | 0.33           | 3                                 | 01/10/2020                  |         |
| 3  | Trần Anh Tuấn                                                | 1983     |      | Đại học             | 01.003                                                                                                   | 2         | 2.67        |                        | 10/10/2017 | 01.003                               | 3                                                                                                 | 3.00        |                        | 0.33           | 3                                 | 10/10/2020                  |         |
|    | Khoa Giáo dục                                                |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 4  | Phạm Thị Hải Châu                                            |          | 1980 | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 6         | 3.99        |                        | 23/08/2017 | V.07.01.03                           | 7                                                                                                 | 4.32        |                        | 0.33           | 5                                 | 23/08/2020                  |         |
| 5  | Phạm Thị Huyền                                               |          | 1976 | Tiến sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 7         | 4.32        |                        | 01/09/2017 | V.07.01.03                           | 8                                                                                                 | 4.65        |                        | 0.33           | 4                                 | 01/09/2020                  |         |
| 6  | Nguyễn Thị Phương Nhung                                      |          | 1981 | Tiến sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 5         | 3.66        |                        | 01/09/2017 | V.07.01.03                           | 6                                                                                                 | 3.99        |                        | 0.33           | 4                                 | 01/09/2020                  |         |
| 7  | Trần Thị Hoàng Yến                                           |          | 1974 | Tiến sĩ             | V.07.01.02                                                                                               | 1         | 4.4         |                        | 01/09/2017 | V.07.01.02                           | 2                                                                                                 | 4.74        |                        | 0.34           | 4                                 | 01/09/2020                  |         |
|    | Khoa Giáo dục Quốc phòng                                     |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 8  | Lê Duy Hiếu                                                  | 1984     |      | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 3         | 3           |                        | 02/08/2017 | V.07.01.03                           | 4                                                                                                 | 3.33        |                        | 0.33           | 5                                 | 02/08/2020                  |         |
| 9  | Nguyễn Đình Phi                                              | 1988     |      | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 3         | 3           |                        | 02/08/2017 | V.07.01.03                           | 4                                                                                                 | 3.33        |                        | 0.33           | 5                                 | 02/08/2020                  |         |
|    | Khoa Giáo dục Thể chất                                       |          |      |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 10 | Lê Minh Hải                                                  | 1962     |      | Thạc sĩ             | V.07.01.02                                                                                               | 5         | 5.76        |                        | 01/12/2017 | V.07.01.02                           | 6                                                                                                 | 6.10        |                        | 0.34           | 1                                 | 01/12/2020                  |         |
| 11 | Đậu Thị Bình Hương                                           |          | 1973 | Thạc sĩ             | V.07.01.02                                                                                               | 3         | 5.08        |                        | 01/09/2017 | V.07.01.02                           | 4                                                                                                 | 5.42        |                        | 0.34           | 4                                 | 01/09/2020                  |         |
| 12 | Trần Thị Ngọc Lan                                            |          | 1976 | Thạc sĩ             | V.07.01.03                                                                                               | 7         | 4.32        |                        | 01/10/2017 | V.07.01.03                           | 8                                                                                                 | 4.65        |                        | 0.33           | 3                                 | 01/10/2020                  |         |



| 1  | 2                                      | 3    | 4    | 5       | 6          | 7 | 8    | 9 | 10         | 11         | 12 | 13   | 14 | 15   | 16 | 17         | 18 |
|----|----------------------------------------|------|------|---------|------------|---|------|---|------------|------------|----|------|----|------|----|------------|----|
|    | <b>Khoa Kinh tế</b>                    |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 13 | Nguyễn Thị Anh Giang                   |      | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 23/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 23/08/2020 |    |
| 14 | Phạm Thị Thúy Hằng                     |      | 1983 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 4 | 3.33 |   | 01/07/2017 | V.07.01.03 | 5  | 3.66 |    | 0.33 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 15 | Nguyễn Thị Mai Lê                      |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 23/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 23/08/2020 |    |
| 16 | Ngô Thị Khánh Linh                     |      | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 23/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 23/08/2020 |    |
| 17 | Trần Thị Thanh Tâm                     |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 23/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 23/08/2020 |    |
| 18 | Hoàng Thị Việt                         |      | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 23/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 23/08/2020 |    |
|    | <b>Khoa Luật</b>                       |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 19 | Ngũ Thị Như Hoa                        |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 01/10/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 20 | Phan Nữ Hiền Oanh                      |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 01/07/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 21 | Bùi Thị Phương Quỳnh                   |      | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 01/07/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 22 | Nguyễn Thị Mai Trang                   |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 01/07/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 23 | Chu Thị Trinh                          |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 01/10/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
|    | <b>Khoa Sư phạm Ngoại ngữ</b>          |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 24 | Nguyễn Xuân Bình                       | 1957 |      | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 8 | 6.78 |   | 01/12/2017 | V.07.01.02 | 9  | 7.12 |    | 0.34 | 1  | 01/12/2020 |    |
| 25 | Phạm Thị Lương Giang                   |      | 1982 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 5 | 3.66 |   | 15/10/2017 | V.07.01.03 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 3  | 15/10/2020 |    |
| 26 | Trần Thị Hào                           |      | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 03/09/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 4  | 03/09/2020 |    |
| 27 | Nguyễn Thị Lan Hương                   |      | 1976 | Đại học | 01.003     | 7 | 4.32 |   | 01/08/2017 | 01.003     | 8  | 4.65 |    | 0.33 | 5  | 01/08/2020 |    |
| 28 | Trần Hoài Nam                          | 1992 |      | Đại học | 13.096     | 3 | 2.26 |   | 01/10/2018 | 13.096     | 4  | 2.46 |    | 0.2  | 3  | 01/10/2020 |    |
| 29 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang                 |      | 1985 | Đại học | 01.003     | 3 | 3    |   | 01/08/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 01/08/2020 |    |
| 30 | Trần Thanh Tú                          |      | 1984 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 4 | 3.33 |   | 01/10/2017 | V.07.01.03 | 5  | 3.66 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
|    | <b>Khoa Xây dựng</b>                   |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 31 | Nguyễn Thị Hà Hạnh                     |      | 1983 | Thạc sĩ | 01.003     | 3 | 3    |   | 01/10/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 32 | Nguyễn Văn Hòa                         | 1987 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 18/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 18/08/2020 |    |
| 33 | Nguyễn Tiến Hồng                       | 1987 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 18/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 18/08/2020 |    |
|    | <b>Nhà Xuất bản Đại học Vinh</b>       |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 34 | Trịnh Thị Thanh                        |      | 1984 | Đại học | 01.003     | 3 | 3    |   | 10/08/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 10/08/2020 |    |
| 35 | Cao Thị Anh Tú                         |      | 1978 | Thạc sĩ | 01.003     | 6 | 3.99 |   | 11/09/2017 | 01.003     | 7  | 4.32 |    | 0.33 | 4  | 11/09/2020 |    |
|    | <b>Phòng Công tác chính trị - HSSV</b> |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 36 | Võ Thị Hải Huyền                       |      | 1988 | Thạc sĩ | 01.003     | 2 | 2.67 |   | 01/10/2017 | 01.003     | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 37 | Nguyễn Thanh Sơn                       | 1989 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 2 | 2.67 |   | 01/10/2017 | 01.003     | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
|    | <b>Phòng Đào tạo</b>                   |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 38 | Nguyễn Thành Vinh                      | 1974 |      | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 8 | 4.65 |   | 01/12/2017 | V.07.01.03 | 9  | 4.98 |    | 0.33 | 1  | 01/12/2020 |    |
|    | <b>Phòng Đào tạo Sau Đại học</b>       |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 39 | Nguyễn Tiến Cường                      | 1975 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 5 | 3.66 |   | 15/07/2017 | 01.003     | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 6  | 15/07/2020 |    |



| 1  | 2                                                            | 3    | 4    | 5       | 6          | 7  | 8    | 9 | 10         | 11         | 12 | 13   | 14 | 15   | 16 | 17         | 18 |
|----|--------------------------------------------------------------|------|------|---------|------------|----|------|---|------------|------------|----|------|----|------|----|------------|----|
| 40 | Nguyễn Thị Hương                                             |      | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 1  | 6.20 |   | 21/11/2017 | V.07.01.01 | 2  | 6.56 |    | 0.36 | 2  | 21/11/2020 |    |
| 41 | Nguyễn Thị Hải Sinh                                          |      | 1973 | Thạc sĩ | 01.003     | 7  | 4.32 |   | 01/09/2017 | 01.003     | 8  | 4.65 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
|    | Phòng Hành chính Tổng hợp                                    |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 42 | Trần Thị Thủy Nga                                            |      | 1991 | Thạc sĩ | 01.003     | 2  | 2.67 |   | 09/12/2017 | 01.003     | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 1  | 09/12/2020 |    |
| 43 | Nguyễn Ngọc Quỳnh                                            | 1986 |      | Đại học | 01.003     | 3  | 3    |   | 10/08/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 10/08/2020 |    |
| 44 | Lê Thị Hải Yến                                               |      | 1985 | Đại học | 01.003     | 1  | 2.34 |   | 06/09/2017 | 01.003     | 2  | 2.67 |    | 0.33 | 4  | 06/09/2020 |    |
|    | Phòng Kế hoạch-Tài chính                                     |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 45 | Hoàng Việt Dũng                                              | 1983 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 3  | 3    |   | 01/08/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 01/08/2020 |    |
| 46 | Trần Thị Thu Liên                                            |      | 1981 | Thạc sĩ | 06.031     | 5  | 3.66 |   | 01/10/2017 | 06.031     | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
|    | Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế                            |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 47 | Nguyễn Văn Hải                                               | 1977 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 5  | 3.66 |   | 15/11/2017 | 01.003     | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 2  | 15/11/2020 |    |
|    | Phòng Thanh tra - Pháp chế                                   |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 48 | Trần Đình Bắc                                                | 1977 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 4  | 3.33 |   | 01/08/2017 | 01.003     | 5  | 3.66 |    | 0.33 | 5  | 01/08/2020 |    |
| 49 | Nguyễn Thị Thủy Hằng                                         |      | 1984 | Thạc sĩ | 01.003     | 3  | 3    |   | 01/10/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 50 | Nguyễn Thị Quỳnh Nga                                         |      | 1985 | Thạc sĩ | 01.003     | 3  | 3    |   | 01/10/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
|    | Phòng Tổ chức cán bộ                                         |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 51 | Nguyễn Thị Xuân Lộc                                          |      | 1976 | Thạc sĩ | 01.002     | 1  | 4.4  |   | 01/12/2017 | 01.002     | 2  | 4.74 |    | 0.34 | 1  | 01/12/2020 |    |
| 52 | Phạm Đình Mạnh                                               | 1988 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 3  | 3    |   | 16/07/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 16/07/2020 |    |
|    | Tram Y tế                                                    |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 53 | Đường Hải Hồng                                               | 1973 |      | THCN    | 16.119     | 10 | 3.66 |   | 01/09/2018 | 16.119     | 11 | 3.86 |    | 0.2  | 4  | 01/09/2020 |    |
| 54 | Nguyễn Thị Mai Phương                                        |      | 1972 | THCN    | 16.119     | 11 | 3.86 |   | 01/10/2018 | 16.119     | 12 | 4.06 |    | 0.2  | 3  | 01/10/2020 |    |
|    | Trung tâm Bồi dưỡng NVSP-Trường Đại học Vinh                 |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 55 | Nguyễn Thị Bích Hiền                                         |      | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 1  | 6.20 |   | 21/11/2017 | V.07.01.01 | 2  | 6.56 |    | 0.36 | 2  | 21/11/2020 |    |
|    | Trung tâm Công nghệ thông tin                                |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 56 | Nguyễn Tuấn Nghĩa                                            | 1987 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 3  | 3    |   | 16/07/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 16/07/2020 |    |
|    | Trung tâm Đảm bảo chất lượng                                 |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 57 | Trần Thanh Huyền                                             |      | 1989 | Đại học | 01.003     | 3  | 3    |   | 01/11/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 2  | 01/11/2020 |    |
| 58 | Nguyễn Thị Hương Trà                                         |      | 1987 | Thạc sĩ | 01.003     | 3  | 3    |   | 16/07/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 16/07/2020 |    |
|    | Trung tâm Dịch vụ, HTSV và QHDN                              |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 59 | Hồ Việt Dũng                                                 |      | 1982 | Thạc sĩ | 01.003     | 5  | 3.66 |   | 01/08/2017 | 01.003     | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 5  | 01/08/2020 |    |
| 60 | Phạm Thị Quỳnh Như                                           |      | 1981 | Thạc sĩ | 01.003     | 3  | 3    |   | 10/08/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 10/08/2020 |    |
| 61 | Nguyễn Phương Thảo                                           |      | 1981 | Đại học | 17.170     | 5  | 3.66 |   | 15/05/2017 | 17.170     | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 2  | 15/11/2020 |    |
|    | Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 62 | Đặng Thị Ngọc                                                |      | 1983 | Đại học | 13.096     | 5  | 2.66 |   | 01/09/2018 | 13.096     | 6  | 2.86 |    | 0.2  | 4  | 01/09/2020 |    |
|    | Trung tâm Giáo dục Thường xuyên                              |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |



| 1  | 2                                                     | 3    | 4    | 5       | 6          | 7 | 8    | 9 | 10         | 11         | 12 | 13   | 14 | 15   | 16 | 17         | 18 |
|----|-------------------------------------------------------|------|------|---------|------------|---|------|---|------------|------------|----|------|----|------|----|------------|----|
| 63 | Ngô Đức Nhân                                          | 1970 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 8 | 4.65 |   | 01/11/2017 | 01.003     | 9  | 4.98 |    | 0.33 | 2  | 01/11/2020 |    |
|    | <b>Trung tâm Kiểm định chất lượng Giáo dục - TDHV</b> |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 64 | Nguyễn Đình Huy                                       | 1972 |      | Thạc sĩ | 01.002     | 3 | 5.08 |   | 01/09/2017 | 01.002     | 4  | 5.42 |    | 0.34 | 4  | 01/09/2020 |    |
|    | <b>Trung tâm Nội trú</b>                              |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 65 | Võ Quang Cường                                        | 1982 |      | Đại học | 01.003     | 2 | 2.67 |   | 10/10/2017 | 01.003     | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 3  | 10/10/2020 |    |
| 66 | Nguyễn Thị Mai                                        |      | 1986 | Đại học | 01.003     | 3 | 3    |   | 10/08/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 10/08/2020 |    |
| 67 | Nguyễn Thị Sen                                        |      | 1984 | Đại học | 01.003     | 3 | 3    |   | 10/08/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 10/08/2020 |    |
| 68 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang                                |      | 1978 | Thạc sĩ | 01.003     | 5 | 3.66 |   | 01/09/2017 | 01.003     | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
|    | <b>Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào</b>   |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 69 | Lê Thị Vân Anh                                        |      | 1979 | Thạc sĩ | 01.003     | 3 | 3    |   | 01/10/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 70 | Lưu Văn Anh                                           |      | 1986 | Đại học | 17.170     | 3 | 3    |   | 16/07/2017 | 17.170     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 16/07/2020 |    |
| 71 | Nguyễn Đức Bình                                       | 1974 |      | Thạc sĩ | 01.002     | 3 | 5.08 |   | 01/08/2017 | 01.002     | 4  | 5.42 |    | 0.34 | 5  | 01/08/2020 |    |
| 72 | Nguyễn Thị Thanh Hằng                                 |      | 1978 | Đại học | 01.003     | 5 | 3.66 |   | 01/12/2017 | 01.003     | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 1  | 01/12/2020 |    |
| 73 | Dương Thị Thanh Nga                                   |      | 1985 | Đại học | 17.170     | 3 | 3    |   | 01/10/2017 | 17.170     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 74 | Nguyễn Thị Nhân                                       |      | 1986 | Đại học | 17.170     | 3 | 3    |   | 16/07/2017 | 17.170     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 16/07/2020 |    |
| 75 | Phan Văn Tài                                          | 1971 |      | Đại học | 01.003     | 7 | 4.32 |   | 01/10/2017 | 01.003     | 8  | 4.65 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 76 | Cao Thị Thủy                                          |      | 1985 | Đại học | 01.003     | 2 | 2.67 |   | 11/09/2017 | 01.003     | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 4  | 11/09/2020 |    |
| 77 | Nguyễn Thị Hải Yến                                    |      | 1982 | Đại học | 17.170     | 3 | 3    |   | 16/07/2017 | 17.170     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 16/07/2020 |    |
|    | <b>Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm</b>               |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 78 | Phạm Thị Chí                                          |      | 1987 | Thạc sĩ | 13.096     | 1 | 1.86 |   | 01/08/2018 | 13.096     | 2  | 2.06 |    | 0.2  | 5  | 01/08/2020 |    |
| 79 | Lê Thị Hoa                                            |      | 1982 | Thạc sĩ | 13.096     | 6 | 2.86 |   | 01/07/2018 | 13.096     | 7  | 3.06 |    | 0.2  | 6  | 01/07/2020 |    |
| 80 | Ngô Sỹ Khánh                                          | 1992 |      | Đại học | 13.096     | 3 | 2.26 |   | 01/10/2018 | 13.096     | 4  | 2.46 |    | 0.2  | 3  | 01/10/2020 |    |
| 81 | Nguyễn Thị Nguyệt                                     |      | 1993 | Đại học | 13.096     | 2 | 2.06 |   | 04/11/2018 | 13.096     | 3  | 2.26 |    | 0.2  | 2  | 04/11/2020 |    |
| 82 | Nguyễn Thị Vui                                        |      | 1977 | Thạc sĩ | 13.096     | 8 | 3.26 |   | 01/12/2018 | 13.096     | 9  | 3.46 |    | 0.2  | 1  | 01/12/2020 |    |
|    | <b>Trường THPT Chuyên</b>                             |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 83 | Nguyễn Thị Thủy Chí                                   |      | 1979 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 1 | 4    |   | 11/09/2017 | V.07.05.14 | 2  | 4.34 |    | 0.34 | 4  | 11/09/2020 |    |
| 84 | Nguyễn Công Chuẩn                                     | 1982 |      | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 5 | 3.66 |   | 04/09/2017 | V.07.05.15 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 4  | 04/09/2020 |    |
| 85 | Trần Mạnh Cường                                       | 1981 |      | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 5 | 3.66 |   | 01/09/2017 | V.07.05.15 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 86 | Phạm Xuân Đạt                                         | 1979 |      | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 6 | 3.99 |   | 01/09/2017 | V.07.05.15 | 7  | 4.32 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 87 | Hồ Đức Hạnh                                           | 1976 |      | Đại học | V.07.05.14 | 1 | 4    |   | 01/09/2017 | V.07.05.14 | 2  | 4.34 |    | 0.34 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 88 | Trần Thị Thanh Hạnh                                   |      | 1987 | Đại học | V.07.05.15 | 2 | 2.67 |   | 01/05/2017 | V.07.05.15 | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 2  | 01/11/2020 |    |
| 89 | Lê Việt Hương                                         |      | 1975 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 8 | 4.65 |   | 01/09/2017 | V.07.05.15 | 9  | 4.98 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 90 | Hoàng Thị Khánh Linh                                  |      | 1983 | Đại học | 01.003     | 3 | 3    |   | 21/11/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 2  | 21/11/2020 |    |
| 91 | Trần Thị Anh Nguyệt                                   |      | 1977 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 2 | 4.34 |   | 01/10/2017 | V.07.05.14 | 3  | 4.68 |    | 0.34 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 92 | Vũ Hoàng Phong                                        | 1981 |      | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 5 | 3.66 |   | 01/09/2017 | V.07.05.15 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |



| 1   | 2                                           | 3    | 4    | 5       | 6          | 7 | 8    | 9 | 10         | 11         | 12 | 13   | 14 | 15   | 16 | 17         | 18 |
|-----|---------------------------------------------|------|------|---------|------------|---|------|---|------------|------------|----|------|----|------|----|------------|----|
| 93  | Từ Đức Thảo                                 | 1970 |      | Tiến sĩ | V.07.05.13 | 5 | 5.76 |   | 01/12/2017 | V.07.05.13 | 6  | 6.10 |    | 0.34 | 1  | 01/12/2020 |    |
| 94  | Nguyễn Thị Thùy                             |      | 1985 | Tiến sĩ | V.07.05.15 | 4 | 3.33 |   | 01/09/2017 | V.07.05.15 | 5  | 3.66 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 95  | Thái Đình Trung                             | 1976 |      | Tiến sĩ | V.07.05.15 | 7 | 4.32 |   | 01/01/2017 | V.07.05.15 | 8  | 4.65 |    | 0.33 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 96  | Nguyễn Thị Kim Tuyền                        |      | 1977 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 2 | 4.34 |   | 01/09/2017 | V.07.05.14 | 3  | 4.68 |    | 0.34 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 97  | Hoàng Thị Tố Yên                            |      | 1973 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 2 | 4.34 |   | 01/10/2017 | V.07.05.14 | 3  | 4.68 |    | 0.34 | 3  | 01/10/2020 |    |
|     | <b>Trường Thực hành sư phạm</b>             |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 98  | Nguyễn Thị Hải                              |      | 1990 | Đại học | V.07.02.04 | 2 | 2.67 |   | 01/09/2017 | V.07.02.04 | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 99  | Đặng Thị Hòa                                |      | 1990 | Thạc sĩ | V.07.03.07 | 2 | 2.67 |   | 01/06/2017 | V.07.03.07 | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 5  | 01/08/2020 |    |
| 100 | Nguyễn Thị Hoài                             |      | 1988 | Đại học | V.07.03.07 | 3 | 3    |   | 01/09/2017 | V.07.03.07 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 101 | Hoàng Thị Thanh Lan                         |      | 1989 | Thạc sĩ | V.07.03.07 | 2 | 2.67 |   | 05/11/2017 | V.07.03.07 | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 2  | 05/11/2020 |    |
| 102 | Hồ Thị Thanh Lịch                           |      | 1976 | Thạc sĩ | V.07.04.11 | 7 | 4.32 |   | 01/09/2017 | V.07.04.11 | 8  | 4.65 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 103 | Đặng Thị Lê Na                              |      | 1982 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 5 | 3.66 |   | 15/10/2017 | V.07.01.03 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 3  | 15/10/2020 |    |
| 104 | Nguyễn Thị Phương Thảo                      |      | 1991 | Thạc sĩ | V.07.03.07 | 2 | 2.67 |   | 01/11/2017 | V.07.03.07 | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 2  | 01/11/2020 |    |
| 105 | Lê Minh Trang                               |      | 1995 | Đại học | V.07.02.06 | 4 | 2.46 |   | 01/09/2018 | V.07.02.06 | 5  | 2.66 |    | 0.2  | 4  | 01/09/2020 |    |
| 106 | Dương Thị Cẩm Vân                           |      | 1992 | Thạc sĩ | V.07.03.07 | 2 | 2.67 |   | 01/11/2017 | V.07.03.07 | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 2  | 01/11/2020 |    |
| 107 | Lê Thị Tuyết Vinh                           |      | 1982 | Thạc sĩ | V.07.03.09 | 6 | 2.86 |   | 01/09/2018 | V.07.03.09 | 7  | 3.06 |    | 0.2  | 4  | 01/09/2020 |    |
|     | <b>Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường</b> |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 108 | Đào Thị Minh Châu                           |      | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 1 | 4.4  |   | 01/07/2017 | V.07.01.02 | 2  | 4.74 |    | 0.34 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 109 | Nguyễn Thị Huyền                            |      | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 02/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 02/08/2020 |    |
|     | <b>Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn</b>     |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 110 | Đinh Thế Định                               | 1958 |      | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 2 | 6.56 |   | 01/07/2017 | V.07.01.01 | 3  | 6.92 |    | 0.36 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 111 | Phùng Văn Nam                               | 1979 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 01/02/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 01/08/2020 |    |
| 112 | Trần Thị Nhung                              |      | 1976 | Thạc sĩ | 01.003     | 5 | 3.66 |   | 01/10/2017 | 01.003     | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 113 | Trần Việt Quang                             | 1963 |      | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 2 | 6.56 |   | 01/07/2017 | V.07.01.01 | 3  | 6.92 |    | 0.36 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 114 | Trương Thị Phương Thảo                      |      | 1982 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 5 | 3.66 |   | 15/09/2017 | V.07.01.03 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 4  | 15/09/2020 |    |
|     | <b>Viện Kỹ thuật - Công nghệ</b>            |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 115 | Hoàng Thị Hà                                |      | 1971 | Đại học | 01.003     | 3 | 3    |   | 01/10/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 116 | Nguyễn Thị Minh Tâm                         |      | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6 | 3.99 |   | 01/07/2017 | V.07.01.03 | 7  | 4.32 |    | 0.33 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 117 | Phạm Mạnh Toàn                              | 1979 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 5 | 3.66 |   | 01/10/2017 | V.07.01.03 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 118 | Đỗ Mai Trang                                | 1979 |      | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 6 | 3.99 |   | 23/08/2017 | V.07.01.03 | 7  | 4.32 |    | 0.33 | 5  | 23/08/2020 |    |
|     | <b>Viện Nông nghiệp và Tài nguyên</b>       |      |      |         |            |   |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 119 | Trần Thị Kim Anh                            |      | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 5 | 3.66 |   | 15/09/2017 | V.07.01.03 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 4  | 15/09/2020 |    |
| 120 | Hoàng Thị Hằng                              |      | 1985 | Đại học | 01.003     | 3 | 3    |   | 02/08/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 02/08/2020 |    |
| 121 | Nguyễn Hữu Hiền                             | 1982 |      | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 4 | 3.33 |   | 01/09/2017 | V.07.01.03 | 5  | 3.66 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 122 | Hoàng Thị Mai                               |      | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3 | 3    |   | 18/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 18/08/2020 |    |



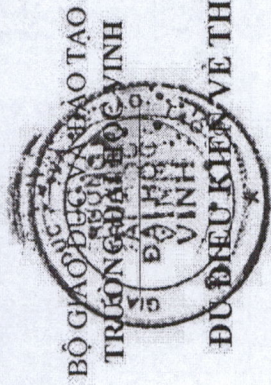
| 1   | 2                                                                         | 3    | 4    | 5       | 6          | 7  | 8    | 9 | 10         | 11         | 12 | 13   | 14 | 15   | 16 | 17         | 18 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|------|------|---------|------------|----|------|---|------------|------------|----|------|----|------|----|------------|----|
| 123 | Nguyễn Thị Hồng Thắm                                                      |      | 1981 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |   | 01/10/2017 | V.07.01.03 | 5  | 3.66 |    | 0.33 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 124 | Nguyễn Thị Thanh                                                          |      | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 6  | 3.99 |   | 01/07/2017 | V.07.01.03 | 7  | 4.32 |    | 0.33 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 125 | Nguyễn Nam Thành                                                          | 1988 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 2  | 2.67 |   | 01/06/2017 | V.07.01.03 | 3  | 3.00 |    | 0.33 | 1  | 01/12/2020 |    |
| 126 | Nguyễn Thị Tiếng                                                          |      | 1981 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |   | 01/01/2017 | V.07.01.03 | 5  | 3.66 |    | 0.33 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 127 | Nguyễn Thúc Tuấn                                                          | 1976 |      | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 7  | 4.32 |   | 01/08/2017 | V.07.01.03 | 8  | 4.65 |    | 0.33 | 5  | 01/08/2020 |    |
|     | <b>Viện Sư phạm tự nhiên</b>                                              |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 128 | Trương Thị Bình Giang                                                     |      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3    |   | 02/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 02/08/2020 |    |
| 129 | Lê Thị Thủy Hà                                                            |      | 1970 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 3  | 5.08 |   | 01/12/2017 | V.07.01.02 | 4  | 5.42 |    | 0.34 | 1  | 01/12/2020 |    |
| 130 | Nguyễn Hoàng Hào                                                          | 1984 |      | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3    |   | 02/08/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 5  | 02/08/2020 |    |
| 131 | Phạm Thị Thu Hiền                                                         |      | 1974 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 4.32 |   | 01/09/2017 | V.07.01.03 | 8  | 4.65 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 132 | Chu Văn Lanh                                                              | 1977 |      | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 1  | 6.2  |   | 21/11/2017 | V.07.01.01 | 2  | 6.56 |    | 0.36 | 2  | 21/11/2020 |    |
| 133 | Phan Lê Na                                                                |      | 1964 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 6  | 6.1  |   | 01/07/2017 | V.07.01.02 | 7  | 6.44 |    | 0.34 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 134 | Nguyễn Thị Nhi                                                            |      | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 1  | 6.2  |   | 21/11/2017 | V.07.01.01 | 2  | 6.56 |    | 0.36 | 2  | 21/11/2020 |    |
| 135 | Trần Thị Kim Oanh                                                         |      | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 2  | 4.74 |   | 01/09/2017 | V.07.01.02 | 3  | 5.08 |    | 0.34 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 136 | Nguyễn Chiến Thắng                                                        | 1979 |      | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 1  | 6.2  |   | 21/11/2017 | V.07.01.01 | 2  | 6.56 |    | 0.36 | 2  | 21/11/2020 |    |
| 137 | Lê Cảnh Trung                                                             | 1983 |      | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 3  | 3    |   | 16/07/2017 | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 16/07/2020 |    |
|     | <b>Viện Sư phạm Xã hội</b>                                                |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 138 | Biên Văn Diên                                                             | 1957 |      | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 4  | 7.28 |   | 01/07/2017 | V.07.01.01 | 5  | 7.64 |    | 0.36 | 6  | 01/07/2020 |    |
| 139 | Lưu Thị Trường Giang                                                      |      | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 5  | 3.66 |   | 01/09/2016 | V.07.01.03 | 6  | 3.99 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
| 140 | Thái Thị Ngọc Loan                                                        |      | 1981 | Thạc sĩ | 01.003     | 3  | 3    |   | 16/07/2017 | 01.003     | 4  | 3.33 |    | 0.33 | 6  | 16/07/2020 |    |
| 141 | Nguyễn Văn Tứ                                                             | 1958 |      | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 4  | 7.28 |   | 01/10/2017 | V.07.01.01 | 5  | 7.64 |    | 0.36 | 3  | 01/10/2020 |    |
| 142 | Phan Văn Tuấn                                                             | 1983 |      | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 4  | 3.33 |   | 01/09/2017 | V.07.01.03 | 5  | 3.66 |    | 0.33 | 4  | 01/09/2020 |    |
|     | <b>Danh sách cán bộ, viên chức được nâng phụ cấp thâm niên vượt khung</b> |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
|     | <b>Viện Sư phạm tự nhiên</b>                                              |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 143 | Nguyễn Duy Bình                                                           | 1959 |      | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 8  | 6.78 | 0 | 01/12/2017 | V.07.01.02 | 9  | 6.78 | 5  |      | 1  | 01/12/2020 |    |
|     | <b>Phòng Hành chính Tổng hợp</b>                                          |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 144 | Nguyễn Hồng Sôa                                                           | 1972 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 9  | 4.98 | 0 | 01/09/2017 | 01.003     | 9  | 4.98 | 5  |      | 4  | 01/09/2020 |    |
|     | <b>Viện Sư phạm Xã hội</b>                                                |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 145 | Hoàng Thị Nga                                                             |      | 1970 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 4.98 | 0 | 01/09/2017 | V.07.01.03 | 9  | 4.98 | 5  |      | 4  | 01/09/2020 |    |
|     | <b>Khoa Giáo dục</b>                                                      |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 146 | Phan Quốc Lâm                                                             | 1958 |      | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 8  | 6.78 | 5 | 01/10/2019 | V.07.01.02 | 8  | 6.78 | 6  |      | 3  | 01/10/2020 |    |
|     | <b>Phòng Quản trị và Đầu tư</b>                                           |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |
| 147 | Võ Văn Vinh                                                               | 1967 |      | Thạc sĩ | 01.003     | 12 | 4.06 | 5 | 01/07/2019 | 01.003     | 12 | 4.06 | 6  |      | 6  | 01/07/2020 |    |
|     | <b>Trung tâm Nội trú</b>                                                  |      |      |         |            |    |      |   |            |            |    |      |    |      |    |            |    |



| 1   | 2                                | 3    | 4    | 5       | 6          | 7  | 8    | 9  | 10         | 11         | 12 | 13   | 14 | 15 | 16 | 17         | 18 |
|-----|----------------------------------|------|------|---------|------------|----|------|----|------------|------------|----|------|----|----|----|------------|----|
| 148 | Đặng Ngọc Dũng                   | 1965 |      | Đại học | 01.003     | 9  | 4.98 | 5  | 01/09/2019 | 01.003     | 9  | 4.98 | 6  |    | 4  | 01/09/2020 |    |
| 149 | Nguyễn Kim Từ                    | 1963 |      | THCN    | 01.007     | 12 | 3.63 | 14 | 01/08/2019 | 01.007     | 12 | 3.63 | 15 |    | 5  | 01/08/2020 |    |
|     | Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |    |    |            |    |
| 150 | Chu Thị Thanh Lâm                |      | 1974 | Thạc sĩ | 13.096     | 12 | 4.06 | 11 | 01/10/2019 | 13.096     | 12 | 4.06 | 12 |    | 3  | 01/10/2020 |    |
| 151 | Vân Thị Tâm                      |      | 1969 |         | 01.007     | 12 | 3.63 | 10 | 01/12/2019 | 01.007     | 12 | 3.63 | 11 |    | 1  | 01/12/2020 |    |
|     | Trường THPT Chuyên               |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |    |    |            |    |
| 152 | Trương Thị Mai Hoa               |      | 1966 | Đại học | V.07.05.15 | 9  | 4.98 | 9  | 01/07/2019 | V.07.05.15 | 9  | 4.98 | 10 |    | 6  | 01/07/2020 |    |
|     | Trường Thực hành sư phạm         |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |    |    |            |    |
| 153 | Nguyễn Trọng Duyên               | 1969 |      | Đại học | 01.011     | 12 | 3.48 | 9  | 01/07/2019 | 01.011     | 12 | 3.48 | 10 |    | 6  | 01/07/2020 |    |
| 154 | Trần Hữu Nghinh                  | 1962 |      |         | 01.011     | 12 | 3.48 | 22 | 01/10/2019 | 01.011     | 12 | 3.48 | 23 |    | 3  | 01/10/2020 |    |
| 155 | Đặng Thị Tịnh                    |      | 1966 | THCN    | 16.121     | 12 | 4.06 | 8  | 01/07/2019 | 16.121     | 12 | 4.06 | 9  |    | 6  | 01/07/2020 |    |
| 156 | Ngũ Duy Viên                     | 1966 |      | Đại học | 01.011     | 12 | 3.48 | 14 | 01/12/2019 | 01.011     | 12 | 3.48 | 15 |    | 1  | 01/12/2020 |    |
|     | Viện Kỹ thuật - Công nghệ        |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |    |    |            |    |
| 157 | Lưu Văn Phúc                     | 1963 |      | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 4.98 | 8  | 01/12/2019 | V.07.01.03 | 9  | 4.98 | 9  |    | 1  | 01/12/2020 |    |
|     | Viện Sư phạm tự nhiên            |      |      |         |            |    |      |    |            |            |    |      |    |    |    |            |    |
| 158 | Bùi Thị Quỳnh Hoa                |      | 1970 | Đại học | 01.004     | 12 | 4.06 | 7  | 01/11/2019 | 01.004     | 12 | 4.06 | 8  |    | 2  | 01/11/2020 |    |

(Danh sách gồm có 158 người)





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG**

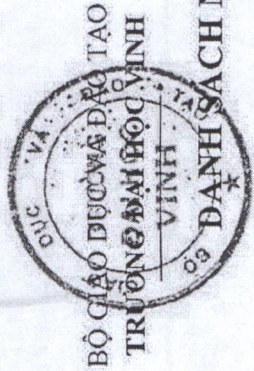
**ĐU ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN NẮNG BẮC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG ĐỢT 2, NĂM 2020**  
(Kèm theo Thông báo số: 465 /TB-DHV, ngày 04 tháng 12 năm 2020)

| TT | Họ và tên                                                    | Năm sinh |    | Trình độ chuyên môn | Mã số chức danh nghề nghiệp/Ngạch lương, bậc lương, hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung hiện hưởng |           |             |                        |            |                                      | Mã số chức danh nghề nghiệp/Ngạch lương, bậc lương, hệ số lương, phụ cấp thâm niên vượt khung mới |             |                        |                |                                   |                             | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------|----------|----|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|----------------|-----------------------------------|-----------------------------|---------|
|    |                                                              | Nam      | Nữ |                     | Mã số chức danh nghề nghiệp/Mã ngạch                                                                     | Bậc lương | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên VK | Ngày hưởng | Mã số chức danh nghề nghiệp/Mã ngạch | Bậc lương                                                                                         | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên VK | Chênh lệch HSL | Số tháng được hưởng mức lương mới | Mốc tính năng lương lần sau |         |
| 1  | 2                                                            | 3        | 4  | 5                   | 6                                                                                                        | 7         | 8           | 9                      | 10         | 11                                   | 12                                                                                                | 13          | 14                     | 15             | 16                                | 17                          | 18      |
| I  | Danh sách lao động hợp đồng được nâng bậc lương thường xuyên |          |    |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
|    | Ban quản lý Cơ sở II                                         |          |    |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 1  | Nguyễn Mạnh Hùng                                             | 1981     |    | Đại học             | 01.011                                                                                                   | 6         | 2.4         |                        | 28/07/2018 | 01.011                               | 7                                                                                                 | 2.58        |                        | 0.18           | 6                                 | 28/07/2020                  |         |
| 2  | Nguyễn Đức Thông                                             | 1983     |    |                     | 01.007                                                                                                   | 4         | 2.19        |                        | 29/08/2018 | 01.007                               | 5                                                                                                 | 2.37        |                        | 0.18           | 5                                 | 29/08/2020                  |         |
|    | Phòng Hành chính Tổng hợp                                    |          |    |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 3  | Lê Đức Thắng                                                 | 1978     |    | Đại học             | 01.007                                                                                                   | 11        | 3.45        |                        | 01/10/2018 | 01.007                               | 12                                                                                                | 3.63        |                        | 0.18           | 3                                 | 01/10/2020                  |         |
|    | Trường Thực hành sư phạm                                     |          |    |                     |                                                                                                          |           |             |                        |            |                                      |                                                                                                   |             |                        |                |                                   |                             |         |
| 4  | Nguyễn Duy Thín                                              | 1976     |    |                     | 01.011                                                                                                   | 4         | 2.04        |                        | 29/08/2018 | 01.011                               | 5                                                                                                 | 2.22        |                        | 0.18           | 5                                 | 29/08/2020                  |         |

(Danh sách gồm có 04 người)

ue





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH NHÀ GIÁO DƯỠNG ĐỦ THỜI GIAN NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO ĐỢT 2, NĂM 2020**  
(Kèm theo Thông báo số: 165/TB-ĐHV, ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Trường Đại học Vinh)

| STT | Họ và tên               | Đơn vị công tác | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Mã số chức danh nghề nghiệp | Phụ cấp TNNG hiện hưởng |            | Phụ cấp TNNG mới |            | Thời gian không tính hưởng PC TNNG |       | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----------------|----------|---------------------|-----------------------------|-------------------------|------------|------------------|------------|------------------------------------|-------|---------|
|     |                         |                 |          |                     |                             | Mức % hiện hưởng        | Mốc tính   | Mức % mới        | Mốc tính   | Năm                                | Tháng |         |
|     | 1                       | 2               | 3        | 4                   | 5                           | 6                       | 7          | 8                | 9          | 10                                 | 11    | 12      |
| 1   | Nguyễn Huy Bằng         | Ban giám hiệu   | 1977     | Tiến sĩ             | V.07.01.01                  | 10                      | 01/07/2019 | 11               | 01/07/2020 |                                    |       |         |
| 2   | Trần Bá Tiến            | Ban giám hiệu   | 1972     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 18                      | 01/10/2019 | 19               | 01/10/2020 |                                    |       |         |
| 3   | Chu Thị Thủy An         | Khoa Giáo dục   | 1970     | Tiến sĩ             | V.07.01.01                  | 24                      | 01/09/2019 | 25               | 01/09/2020 |                                    |       |         |
| 4   | Nguyễn Thị Quỳnh Anh    | Khoa Giáo dục   | 1977     | Tiến sĩ             | V.07.01.03                  | 14                      | 15/10/2019 | 15               | 15/10/2020 |                                    |       |         |
| 5   | Nguyễn Thị Thanh Giang  | Khoa Giáo dục   | 1970     | Thạc sĩ             | V.07.05.15                  | 24                      | 01/10/2019 | 25               | 01/10/2020 |                                    |       |         |
| 6   | Nguyễn Thị Thu Hằng     | Khoa Giáo dục   | 1981     | Tiến sĩ             | V.07.01.02                  | 14                      | 01/09/2019 | 15               | 01/09/2020 |                                    |       |         |
| 7   | Hồ Thị Hạnh             | Khoa Giáo dục   | 1966     | Thạc sĩ             | V.07.01.02                  | 22                      | 01/09/2019 | 23               | 01/09/2020 |                                    |       |         |
| 8   | Phạm Minh Hùng          | Khoa Giáo dục   | 1955     | Tiến sĩ             | V.07.01.01                  | 39                      | 01/09/2019 | 40               | 01/09/2020 |                                    |       |         |
| 9   | Bùi Văn Hùng            | Khoa Giáo dục   | 1981     | Tiến sĩ             | V.07.01.03                  | 8                       | 16/10/2019 | 9                | 16/10/2020 |                                    |       |         |
| 10  | Nguyễn Thị Hương        | Khoa Giáo dục   | 1964     | Tiến sĩ             | V.07.01.01                  | 22                      | 01/09/2019 | 23               | 01/09/2020 |                                    |       |         |
| 11  | Phạm Thị Huyền          | Khoa Giáo dục   | 1976     | Tiến sĩ             | V.07.01.03                  | 17                      | 01/09/2019 | 18               | 01/09/2020 |                                    |       |         |
| 12  | Dương Thị Linh          | Khoa Giáo dục   | 1975     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 19                      | 01/11/2019 | 20               | 01/11/2020 |                                    |       |         |
| 13  | Nguyễn Thị Nhân         | Khoa Giáo dục   | 1976     | Tiến sĩ             | V.07.01.03                  | 11                      | 01/11/2019 | 12               | 01/11/2020 |                                    |       |         |
| 14  | Nguyễn Thị Phương Nhung | Khoa Giáo dục   | 1984     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 8                       | 02/08/2019 | 9                | 02/08/2020 |                                    |       |         |
| 15  | Nguyễn Việt Phương      | Khoa Giáo dục   | 1989     | Thạc sĩ             | V.07.01.03                  | 6                       | 01/08/2019 | 7                | 01/08/2020 |                                    |       |         |
| 16  | Lê Công Phượng          | Khoa Giáo dục   | 1961     | Đại học             | V.07.01.03                  | 30                      | 01/07/2019 | 31               | 01/07/2020 |                                    |       |         |



|    | I                     | 2                        | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|----|-----------------------|--------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 17 | Trần Thị Hoàng Yến    | Khoa Giáo dục            | 1974 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 20 | 01/10/2019 | 21 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 18 | Lê Duy Hiếu           | Khoa Giáo dục Quốc phòng | 1984 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 02/08/2019 | 9  | 02/08/2020 |    |    |    |
| 19 | Nguyễn Đình Phi       | Khoa Giáo dục Quốc phòng | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 02/08/2019 | 9  | 02/08/2020 |    |    |    |
| 20 | Dương Trọng Bình      | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 04/09/2019 | 10 | 04/09/2020 |    |    |    |
| 21 | Văn Đình Cường        | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 13 | 20/12/2019 | 14 | 20/12/2020 |    |    |    |
| 22 | Nguyễn Quốc Đăng      | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1974 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 20 | 01/08/2019 | 21 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 23 | Lê Minh Hải           | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1962 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 34 | 01/12/2019 | 35 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 24 | Nguyễn Mạnh Hùng      | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/10/2019 | 16 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 25 | Nguyễn Thị Lài        | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1975 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 21 | 01/10/2019 | 22 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 26 | Trần Thị Ngọc Lan     | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1976 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 20 | 01/10/2019 | 21 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 27 | Nguyễn Trí Lực        | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1974 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 16 | 01/11/2019 | 17 | 01/11/2020 |    |    |    |
| 28 | Phan Sinh             | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1974 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 22 | 01/11/2019 | 23 | 01/11/2020 |    |    |    |
| 29 | Châu Hồng Thắng       | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1971 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 20 | 01/08/2019 | 21 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 30 | Trần Đức Thành        | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1981 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 13 | 01/08/2019 | 14 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 31 | Ngô Thị Như Thơ       | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 04/09/2019 | 10 | 04/09/2020 |    |    |    |
| 32 | Nguyễn Ngọc Việt      | Khoa Giáo dục Thể chất   | 1963 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 29 | 15/08/2019 | 30 | 15/08/2020 |    |    |    |
| 33 | Trần Quang Bách       | Khoa Kinh tế             | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 01/09/2019 | 11 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 34 | Nguyễn Thị Anh Giang  | Khoa Kinh tế             | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 23/08/2019 | 9  | 23/08/2020 |    |    |    |
| 35 | Đoàn Thị Ngọc Hân     | Khoa Kinh tế             | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 05/10/2019 | 10 | 05/10/2020 |    |    |    |
| 36 | Phạm Thị Thúy Hằng    | Khoa Kinh tế             | 1983 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 03/09/2019 | 11 | 03/09/2020 |    |    |    |
| 37 | Trịnh Thị Hằng        | Khoa Kinh tế             | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 15/09/2019 | 11 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 38 | Hồ Mỹ Hạnh            | Khoa Kinh tế             | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 01/12/2019 | 15 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 39 | Trần Văn Hào          | Khoa Kinh tế             | 1979 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 12 | 15/09/2019 | 13 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 40 | Nguyễn Thị Thanh Hòa  | Khoa Kinh tế             | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 12 | 01/12/2019 | 13 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 41 | Hoàng Thị Thanh Huyền | Khoa Kinh tế             | 1985 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 15/09/2019 | 11 | 15/09/2020 |    |    |    |



|    | 1                     | 2            | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|----|-----------------------|--------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 42 | Nguyễn Thanh Huyền    | Khoa Kinh tế | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 15/09/2019 | 8  | 15/09/2020 |    |    |    |
| 43 | Nguyễn Thế Lân        | Khoa Kinh tế | 1981 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 15/10/2019 | 9  | 15/10/2020 |    |    |    |
| 44 | Nguyễn Thị Mai Lê     | Khoa Kinh tế | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 23/08/2019 | 9  | 23/08/2020 |    |    |    |
| 45 | Nguyễn Thị Bích Liên  | Khoa Kinh tế | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 11 | 03/09/2019 | 12 | 03/09/2020 |    |    |    |
| 46 | Ngô Thị Khánh Linh    | Khoa Kinh tế | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 23/08/2019 | 9  | 23/08/2020 |    |    |    |
| 47 | Đào Thị Loan          | Khoa Kinh tế | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 15/09/2019 | 8  | 15/09/2020 |    |    |    |
| 48 | Trần Thị Hoàng Mai    | Khoa Kinh tế | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/09/2019 | 16 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 49 | Lê Vũ Sao Mai         | Khoa Kinh tế | 1983 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 11 | 03/09/2019 | 12 | 03/09/2020 |    |    |    |
| 50 | Nguyễn Thị Thúy Quỳnh | Khoa Kinh tế | 1983 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 01/07/2019 | 10 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 51 | Trần Thị Lưu Tâm      | Khoa Kinh tế | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 15/09/2019 | 11 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 52 | Trần Thị Thanh Tâm    | Khoa Kinh tế | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 23/08/2019 | 9  | 23/08/2020 |    |    |    |
| 53 | Hoàng Thị Cẩm Thương  | Khoa Kinh tế | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 05/10/2019 | 10 | 05/10/2020 |    |    |    |
| 54 | Nguyễn Thị Diệu Thúy  | Khoa Kinh tế | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 05/10/2019 | 10 | 05/10/2020 |    |    |    |
| 55 | Nguyễn Thị Bích Thùy  | Khoa Kinh tế | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 15/09/2019 | 11 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 56 | Nguyễn Thị Bích Thùy  | Khoa Kinh tế | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 01/09/2019 | 11 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 57 | Nguyễn Đình Tiến      | Khoa Kinh tế | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 05/10/2019 | 10 | 05/10/2020 |    |    |    |
| 58 | Nguyễn Anh Tú         | Khoa Kinh tế | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 15/09/2019 | 8  | 15/09/2020 |    |    |    |
| 59 | Hoàng Thị Việt        | Khoa Kinh tế | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 23/08/2019 | 9  | 23/08/2020 |    |    |    |
| 60 | Phạm Thị Kim Yến      | Khoa Kinh tế | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 05/10/2019 | 10 | 05/10/2020 |    |    |    |
| 61 | Nguyễn Văn Đại        | Khoa Luật    | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 12/11/2019 | 10 | 12/11/2020 |    |    |    |
| 62 | Ngũ Thị Như Hoa       | Khoa Luật    | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 01/10/2019 | 9  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 63 | Ngô Thị Thu Hoài      | Khoa Luật    | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 8  | 12/11/2019 | 9  | 12/11/2020 |    |    |    |
| 64 | Phạm Thị Thúy Liễu    | Khoa Luật    | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 01/10/2019 | 11 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 65 | Hồ Thị Nga            | Khoa Luật    | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 01/07/2019 | 11 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 66 | Nguyễn Thị Bích Ngọc  | Khoa Luật    | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 01/10/2019 | 11 | 01/10/2020 |    |    |    |



|    | 1                     | 2                      | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|----|-----------------------|------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 67 | Phan Nữ Hiền Oanh     | Khoa Luật              | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 01/07/2019 | 9  | 01/07/2020 |    |    |    |
| 68 | Bùi Thị Phương Quỳnh  | Khoa Luật              | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 8  | 01/07/2019 | 9  | 01/07/2020 |    |    |    |
| 69 | Đinh Ngọc Thắng       | Khoa Luật              | 1971 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 70 | Hà Thị Thúy           | Khoa Luật              | 1987 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 7  | 12/11/2019 | 8  | 12/11/2020 |    |    |    |
| 71 | Nguyễn Thị Mai Trang  | Khoa Luật              | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 01/07/2019 | 9  | 01/07/2020 |    |    |    |
| 72 | Chu Thị Trinh         | Khoa Luật              | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 01/07/2019 | 7  | 01/07/2020 |    |    |    |
| 73 | Lê Thị Thanh Bình     | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 0  | 01/10/2015 | 5  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 74 | Nguyễn Xuân Bình      | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1957 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 33 | 01/12/2019 | 34 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 75 | Hoàng Thị Chung       | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1975 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 18 | 01/09/2019 | 19 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 76 | Hoàng Tăng Đức        | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1974 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 20 | 01/10/2019 | 21 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 77 | Nguyễn Thị Lam Giang  | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 15 | 15/09/2019 | 16 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 78 | Phạm Thị Lương Giang  | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1982 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 13 | 15/09/2019 | 14 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 79 | Lê Thị Thúy Hà        | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1975 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 20 | 01/10/2019 | 21 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 80 | Lê Thị Tuyết Hạnh     | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 15/10/2019 | 16 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 81 | Nguyễn Thị Bích Hiền  | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 16 | 15/10/2019 | 17 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 82 | Nguyễn Thị Tuyết Hồng | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 16 | 15/10/2019 | 17 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 83 | Vũ Thị Việt Hương     | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1970 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 23 | 01/10/2019 | 24 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 84 | Phan Thị Hương        | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1972 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 23 | 01/09/2019 | 24 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 85 | Nguyễn Thị Lành       | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1978 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 18 | 01/09/2019 | 19 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 86 | Võ Thị Hồng Minh      | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1971 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 23 | 01/09/2019 | 24 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 87 | Trương Thị Minh       | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1977 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 19 | 01/12/2019 | 20 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 88 | Trần Giang Nam        | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1974 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 17 | 01/12/2019 | 18 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 89 | Ngô Đình Phương       | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1958 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 33 | 01/08/2019 | 34 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 90 | Cao Thị Phương        | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1971 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 91 | Nguyễn Thị Lan Phương | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ | 1972 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |



|     | 1                     | 2                               | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|-----------------------|---------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 92  | Phạm Xuân Sơn         | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ          | 1973 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 19 | 01/09/2019 | 20 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 93  | Thái Anh Tuấn         | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ          | 1973 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 21 | 01/09/2019 | 22 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 94  | Trần Thị Khánh Tùng   | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ          | 1977 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 22/11/2019 | 7  | 22/11/2020 |    |    |    |
| 95  | Nguyễn Thị Tường      | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ          | 1970 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 96  | Trần Thị Ngọc Yến     | Khoa Sư phạm Ngoại ngữ          | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 13 | 15/10/2019 | 14 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 97  | Hồ Viết Chương        | Khoa Xây dựng                   | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 15 | 01/12/2019 | 16 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 98  | Võ Trọng Cường        | Khoa Xây dựng                   | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 0  | 14/07/2015 | 5  | 14/07/2020 |    |    |    |
| 99  | Nguyễn Trọng Hà       | Khoa Xây dựng                   | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 15/10/2019 | 15 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 100 | Lê Thanh Hải          | Khoa Xây dựng                   | 1979 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 16 | 15/10/2019 | 17 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 101 | Nguyễn Tiến Hồng      | Khoa Xây dựng                   | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 18/08/2019 | 9  | 18/08/2020 |    |    |    |
| 102 | Vũ Xuân Hùng          | Khoa Xây dựng                   | 1979 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 15 | 15/09/2019 | 16 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 103 | Trần Ngọc Long        | Khoa Xây dựng                   | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 15/10/2019 | 15 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 104 | Nguyễn Cán Ngón       | Khoa Xây dựng                   | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 6  | 01/10/2019 | 7  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 105 | Nguyễn Thị Diệu Thùy  | Khoa Xây dựng                   | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 06/06/2019 | 8  | 06/06/2020 |    |    |    |
| 106 | Nguyễn Thị Thanh Tùng | Khoa Xây dựng                   | 1984 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 0  | 14/07/2015 | 5  | 14/07/2020 |    |    |    |
| 107 | Nguyễn Thị Kiều Vinh  | Khoa Xây dựng                   | 1978 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 16 | 15/10/2019 | 17 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 108 | Nguyễn Đức Xuân       | Khoa Xây dựng                   | 1976 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 12 | 01/09/2019 | 13 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 109 | Nguyễn Hồng Quảng     | Nhà Xuất bản Đại học Vinh       | 1970 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 20 | 01/10/2019 | 21 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 110 | Đặng Thị Thu          | Phòng Công tác chính trị - HSSV | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 7  | 05/08/2019 | 8  | 05/08/2020 |    |    |    |
| 111 | Nguyễn Thanh Mỹ       | Phòng Đào tạo                   | 1971 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 6  | 01/09/2019 | 7  | 01/09/2020 |    |    |    |
| 112 | Nguyễn Thành Vinh     | Phòng Đào tạo                   | 1974 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 0  | 01/10/2015 | 5  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 113 | Đinh Phan Khôi        | Phòng Đào tạo Sau Đại học       | 1971 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 23 | 15/10/2019 | 24 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 114 | Đinh Trung Thành      | Phòng Đào tạo Sau Đại học       | 1970 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 20 | 01/10/2019 | 21 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 115 | Nguyễn Văn Thuận      | Phòng Đào tạo Sau Đại học       | 1970 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 26 | 10/07/2019 | 27 | 10/07/2020 |    |    |    |
| 116 | Lê Danh Bình          | Phòng Thanh tra - Pháp chế      | 1974 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |



|     | 1                    | 2                             | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|----------------------|-------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 117 | Nguyễn Văn Phú       | Phòng Thanh tra - Pháp chế    | 1972 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 20 | 01/09/2019 | 21 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 118 | Nguyễn Thị Bích Hiền | Trung tâm Bồi dưỡng NVSP      | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 21 | 01/08/2019 | 22 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 119 | Vũ Chí Cường         | Trung tâm Công nghệ thông tin | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 21 | 01/09/2019 | 22 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 120 | Nguyễn Ngọc Hiếu     | Trung tâm Đàm báo chất lượng  | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 11 | 01/07/2019 | 12 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 121 | Nguyễn Thị Minh      | Trung tâm KĐCLGD              | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 15 | 15/09/2019 | 16 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 122 | Trần Đình Quang      | Trung tâm KĐCLGD              | 1966 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 24 | 20/09/2019 | 25 | 20/09/2020 |    |    |    |
| 123 | Nguyễn Nhân Ái       | Trường THPT Chuyên            | 1970 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 19 | 01/09/2019 | 20 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 124 | Phạm Thị Hoài An     | Trường THPT Chuyên            | 1979 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 9  | 27/12/2019 | 10 | 27/12/2020 |    |    |    |
| 125 | Nguyễn Thị Vũ Anh    | Trường THPT Chuyên            | 1980 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 13 | 15/10/2019 | 14 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 126 | Lê Thị Vân Anh       | Trường THPT Chuyên            | 1979 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 14 | 01/09/2019 | 15 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 127 | Nguyễn Thị Kim Anh   | Trường THPT Chuyên            | 1980 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 14 | 01/09/2019 | 15 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 128 | Phan Viết Bắc        | Trường THPT Chuyên            | 1981 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 129 | Lưu Thị Thanh Bình   | Trường THPT Chuyên            | 1977 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 16 | 01/09/2019 | 17 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 130 | Nguyễn Thị Thủy Chi  | Trường THPT Chuyên            | 1979 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 15 | 01/12/2019 | 16 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 131 | Nguyễn Công Chuẩn    | Trường THPT Chuyên            | 1982 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 11 | 01/09/2019 | 12 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 132 | Trần Mạnh Cường      | Trường THPT Chuyên            | 1981 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 13 | 01/09/2019 | 14 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 133 | Phạm Xuân Đạt        | Trường THPT Chuyên            | 1979 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 15 | 01/09/2019 | 16 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 134 | Nguyễn Ánh Dương     | Trường THPT Chuyên            | 1972 | Tiến sĩ | V.07.05.14 | 22 | 01/12/2019 | 23 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 135 | Trần Thị Việt Hà     | Trường THPT Chuyên            | 1982 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 136 | Nguyễn Thị Thúy Hà   | Trường THPT Chuyên            | 1981 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 9  | 27/12/2019 | 10 | 27/12/2020 |    |    |    |
| 137 | Hồ Đức Hạnh          | Trường THPT Chuyên            | 1976 | Đại học | V.07.05.14 | 17 | 01/09/2019 | 18 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 138 | Đoàn Thị Hạnh        | Trường THPT Chuyên            | 1971 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 139 | Trần Thị Thanh Hạnh  | Trường THPT Chuyên            | 1987 | Đại học | V.07.05.15 | 5  | 01/11/2019 | 6  | 01/11/2020 |    |    |    |
| 140 | Bùi Thị Thu Hiền     | Trường THPT Chuyên            | 1978 | Đại học | V.07.05.14 | 18 | 15/10/2019 | 19 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 141 | Nguyễn Thị Ánh Hồng  | Trường THPT Chuyên            | 1985 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 9  | 27/12/2019 | 10 | 27/12/2020 |    |    |    |



|     | 1                      | 2                  | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|------------------------|--------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 142 | Trần Mạnh Hùng         | Trường THPT Chuyên | 1972 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 143 | Hoàng Thị Thúy Hương   | Trường THPT Chuyên | 1973 | Tiến sĩ | V.07.05.13 | 23 | 01/09/2019 | 24 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 144 | Nguyễn Thanh Huyền     | Trường THPT Chuyên | 1985 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 0  | 01/10/2015 | 5  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 145 | Nguyễn Trần Lâm        | Trường THPT Chuyên | 1983 | Tiến sĩ | V.07.05.15 | 8  | 02/08/2019 | 9  | 02/08/2020 |    |    |    |
| 146 | Hoàng Thị Liên         | Trường THPT Chuyên | 1980 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 14 | 01/09/2019 | 15 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 147 | Lê Mạnh Linh           | Trường THPT Chuyên | 1984 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 148 | Quách Văn Long         | Trường THPT Chuyên | 1980 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 149 | Lê Thị Mai             | Trường THPT Chuyên | 1973 | Đại học | V.07.05.14 | 24 | 14/09/2019 | 25 | 14/09/2020 |    |    |    |
| 150 | Nguyễn Thị Tuyết Mai   | Trường THPT Chuyên | 1981 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 12 | 02/10/2019 | 13 | 02/10/2020 |    |    |    |
| 151 | Lê Thị Ngọc            | Trường THPT Chuyên | 1983 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 9  | 01/07/2019 | 10 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 152 | Trần Thị Anh Nguyệt    | Trường THPT Chuyên | 1977 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 19 | 01/10/2019 | 20 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 153 | Hoàng Thị Quỳnh Như    | Trường THPT Chuyên | 1972 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 154 | Phạm Văn Phong         | Trường THPT Chuyên | 1979 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 10 | 01/07/2019 | 11 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 155 | Vũ Hoàng Phong         | Trường THPT Chuyên | 1981 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 12 | 01/09/2019 | 13 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 156 | Lê Xuân Sơn            | Trường THPT Chuyên | 1972 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 24 | 01/09/2019 | 25 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 157 | Lê Đức Sứ              | Trường THPT Chuyên | 1985 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 8  | 02/08/2019 | 9  | 02/08/2020 |    |    |    |
| 158 | Trần Thị Kim Thành     | Trường THPT Chuyên | 1976 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 18 | 01/10/2019 | 19 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 159 | Từ Đức Thảo            | Trường THPT Chuyên | 1970 | Tiến sĩ | V.07.05.13 | 26 | 01/07/2019 | 27 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 160 | Phan Thị Phương Thảo   | Trường THPT Chuyên | 1975 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 21 | 01/09/2019 | 22 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 161 | Phạm Đình Thi          | Trường THPT Chuyên | 1977 | Đại học | V.07.05.14 | 19 | 01/10/2019 | 20 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 162 | Nguyễn Thị Lương Thiện | Trường THPT Chuyên | 1986 | Thạc sĩ | V.07.05.15 | 8  | 02/08/2019 | 9  | 02/08/2020 |    |    |    |
| 163 | Trần Thị Thủy          | Trường THPT Chuyên | 1978 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 16 | 01/10/2019 | 17 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 164 | Nguyễn Thị Thủy        | Trường THPT Chuyên | 1985 | Tiến sĩ | V.07.05.15 | 11 | 01/09/2019 | 12 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 165 | Hoàng Đình Tiến        | Trường THPT Chuyên | 1973 | Tiến sĩ | V.07.05.15 | 19 | 01/09/2019 | 20 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 166 | Nguyễn Đức Toàn        | Trường THPT Chuyên | 1981 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 9  | 01/07/2019 | 10 | 01/07/2020 |    |    |    |



|     | 1                     | 2                        | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|-----------------------|--------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 167 | Thái Đình Trung       | Trường THPT Chuyên       | 1976 | Tiến sĩ | V.07.05.15 | 18 | 05/09/2019 | 19 | 05/09/2020 |    |    |    |
| 168 | Lương Văn Tường       | Trường THPT Chuyên       | 1976 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 18 | 01/09/2019 | 19 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 169 | Nguyễn Thị Kim Tuyến  | Trường THPT Chuyên       | 1977 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 15 | 01/09/2019 | 16 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 170 | Nguyễn Thị Vân        | Trường THPT Chuyên       | 1971 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 22 | 01/10/2019 | 23 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 171 | Hoàng Thị Tố Yến      | Trường THPT Chuyên       | 1973 | Thạc sĩ | V.07.05.14 | 20 | 01/10/2019 | 21 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 172 | Trần Thị Văn Anh      | Trường Thực hành sư phạm | 1987 | Đại học | V.07.02.04 | 8  | 10/07/2019 | 9  | 10/07/2020 |    |    |    |
| 173 | Nguyễn Thị Thanh Dung | Trường Thực hành sư phạm | 1982 | Đại học | V.07.02.04 | 15 | 01/09/2019 | 16 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 174 | Đỗ Thị Hà             | Trường Thực hành sư phạm | 1985 | Thạc sĩ | V.07.03.07 | 9  | 01/10/2019 | 10 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 175 | Đinh Thị Hằng         | Trường Thực hành sư phạm | 1986 | Đại học | V.07.02.06 | 9  | 01/07/2019 | 10 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 176 | Trương Thị Hiền       | Trường Thực hành sư phạm | 1981 | Đại học | V.07.02.06 | 15 | 01/09/2019 | 16 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 177 | Thái Thị Thu Hiền     | Trường Thực hành sư phạm | 1977 | Thạc sĩ | V.07.03.07 | 17 | 01/09/2019 | 18 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 178 | Trần Thị Hiền         | Trường Thực hành sư phạm | 1989 | Đại học | V.07.03.07 | 7  | 01/11/2019 | 8  | 01/12/2020 |    | 1  |    |
| 179 | Nguyễn Thị Hòa        | Trường Thực hành sư phạm | 1983 | Đại học | V.07.02.06 | 9  | 01/07/2019 | 10 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 180 | Nguyễn Thị Hoài       | Trường Thực hành sư phạm | 1988 | Đại học | V.07.03.07 | 8  | 01/09/2019 | 9  | 01/09/2020 |    |    |    |
| 181 | Nguyễn Ngọc Hồng      | Trường Thực hành sư phạm | 1982 | Đại học | V.07.03.07 | 11 | 01/11/2019 | 12 | 01/11/2020 |    |    |    |
| 182 | Nguyễn Thị Huệ        | Trường Thực hành sư phạm | 1988 | Đại học | V.07.02.04 | 0  | 23/09/2015 | 5  | 23/09/2020 |    |    |    |
| 183 | Hồ Thị Thu Hương      | Trường Thực hành sư phạm | 1977 | Đại học | V.07.03.07 | 18 | 01/09/2019 | 19 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 184 | Nguyễn Thị Hương      | Trường Thực hành sư phạm | 1987 | Đại học | V.07.02.06 | 9  | 23/08/2019 | 10 | 23/08/2020 |    |    |    |
| 185 | Nguyễn Thị Bích Lê    | Trường Thực hành sư phạm | 1977 | Thạc sĩ | V.07.02.04 | 17 | 01/09/2019 | 18 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 186 | Hồ Thị Thanh Lịch     | Trường Thực hành sư phạm | 1976 | Thạc sĩ | V.07.04.11 | 20 | 01/09/2019 | 21 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 187 | Dương Thị Kim Liên    | Trường Thực hành sư phạm | 1977 | Đại học | V.07.04.11 | 18 | 01/09/2019 | 19 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 188 | Trần ái Linh          | Trường Thực hành sư phạm | 1988 | Đại học | V.07.02.04 | 8  | 10/07/2019 | 9  | 10/07/2020 |    |    |    |
| 189 | Nguyễn Thị Mỹ Linh    | Trường Thực hành sư phạm | 1988 | Đại học | V.07.02.04 | 8  | 10/07/2019 | 9  | 10/07/2020 |    |    |    |
| 190 | Phạm Thị Nguyệt Minh  | Trường Thực hành sư phạm | 1982 | Đại học | V.07.02.06 | 11 | 01/10/2019 | 12 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 191 | Đặng Thị Lê Na        | Trường Thực hành sư phạm | 1982 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 12 | 15/10/2019 | 13 | 15/10/2020 |    |    |    |



|     | 1                      | 2                                    | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|------------------------|--------------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 192 | Nguyễn Đắc Quỳnh Nga   | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1988 | Đại học | V.07.02.04 | 8  | 10/07/2019 | 9  | 10/07/2020 |    |    |    |
| 193 | Hà Thị Quỳnh Ngân      | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1986 | Đại học | V.07.02.06 | 9  | 10/07/2019 | 10 | 10/07/2020 |    |    |    |
| 194 | Trần Xuân Quang        | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1976 | Đại học | V.07.04.11 | 18 | 01/09/2019 | 19 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 195 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1991 | Thạc sĩ | V.07.03.07 | 5  | 01/11/2019 | 6  | 01/11/2020 |    |    |    |
| 196 | Đào Thị Hồng Thơm      | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1990 | Đại học | V.07.02.04 | 0  | 23/09/2015 | 5  | 23/09/2020 |    |    |    |
| 197 | Phạm Thị Thu           | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1992 | Đại học | V.07.03.07 | 0  | 01/11/2015 | 5  | 01/11/2020 |    |    |    |
| 198 | Nguyễn Minh Thương     | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1990 | Đại học | V.07.02.04 | 0  | 23/09/2015 | 5  | 23/09/2020 |    |    |    |
| 199 | Nguyễn Thị Thủy        | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1973 | Thạc sĩ | V.07.04.11 | 23 | 01/09/2019 | 24 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 200 | Nguyễn Nữ Ngọc Trâm    | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1985 | Thạc sĩ | V.07.04.11 | 10 | 01/10/2019 | 11 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 201 | Nguyễn Thị Thu Trang   | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1989 | Thạc sĩ | V.07.03.07 | 7  | 01/10/2019 | 8  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 202 | Trương Thị Quỳnh Trang | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1989 | Đại học | V.07.02.04 | 7  | 15/09/2019 | 8  | 15/09/2020 |    |    |    |
| 203 | Trần Thị Thanh Xuân    | Trưởng Thực hành sư phạm             | 1988 | Đại học | V.07.02.04 | 8  | 10/07/2019 | 9  | 10/07/2020 |    |    |    |
| 204 | Nguyễn Hoa Du          | Văn phòng Đảng - HDT - ĐT            | 1968 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 26 | 01/09/2019 | 27 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 205 | Nguyễn Ngọc Hiền       | Văn phòng Đảng - HDT - ĐT            | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 16 | 01/12/2019 | 17 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 206 | Lê Thị Mỹ Châu         | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1983 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 01/07/2019 | 10 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 207 | Đào Thị Minh Châu      | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 16 | 15/10/2019 | 17 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 208 | Nguyễn Đức Diện        | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 15/09/2019 | 15 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 209 | Lê Văn Diệp            | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 6  | 15/09/2019 | 7  | 15/09/2020 |    |    |    |
| 210 | Nguyễn Thị Huyền       | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 02/08/2019 | 7  | 02/08/2020 |    |    |    |
| 211 | Hồ Thị Phương          | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 03/11/2019 | 10 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 212 | Nguyễn Tân Thành       | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1983 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 12/11/2019 | 10 | 12/11/2020 |    |    |    |
| 213 | Hoàng Văn Trung        | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 01/07/2019 | 10 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 214 | Đào Thị Thanh Xuân     | Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường | 1979 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 10/12/2019 | 11 | 10/12/2020 |    |    |    |
| 215 | Phạm Thị Bình          | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn     | 1971 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 22 | 01/09/2019 | 23 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 216 | Phan Huy Chính         | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn     | 1969 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 20 | 01/12/2019 | 21 | 01/12/2020 |    |    |    |



|     | 1                      | 2                                | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|------------------------|----------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 217 | Đinh Thế Định          | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1958 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 31 | 01/10/2019 | 32 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 218 | Trần Thị Khánh Dung    | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 16/11/2019 | 10 | 16/11/2020 |    |    |    |
| 219 | Phan Thị Thủy Hà       | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1984 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 220 | Bùi Văn Hào            | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1962 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 33 | 01/11/2019 | 34 | 01/11/2020 |    |    |    |
| 221 | Lê Thị Thanh Hiếu      | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 0  | 01/06/2013 | 5  | 01/10/2020 | 2  | 4  |    |
| 222 | Phạm Thị Thủy Hồng     | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1984 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 02/12/2019 | 11 | 02/12/2020 |    |    |    |
| 223 | Đặng Thị Minh Lý       | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/12/2019 | 16 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 224 | Lê Thị Hải Lý          | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1985 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 225 | Võ Thị Anh Mai         | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 15/12/2019 | 10 | 15/12/2020 |    |    |    |
| 226 | Trần Cao Nguyên        | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 8  | 16/10/2019 | 9  | 16/10/2020 |    |    |    |
| 227 | Phạm Thị Oanh          | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1985 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 15/12/2019 | 10 | 15/12/2020 |    |    |    |
| 228 | Nguyễn Văn Sang        | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1983 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 01/08/2019 | 10 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 229 | Nguyễn Thái Sơn        | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1969 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 27 | 01/09/2019 | 28 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 230 | Nguyễn Thị Thanh Thanh | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1984 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 15/12/2019 | 10 | 15/12/2020 |    |    |    |
| 231 | Trương Thị Phương Thảo | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1982 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 12 | 15/09/2019 | 13 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 232 | Võ Thị Hoài Thương     | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/12/2019 | 16 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 233 | Ông Thị Mai Thương     | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1985 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 234 | Trần Thị Thủy          | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1983 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 235 | Nguyễn Văn Trung       | Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/09/2019 | 16 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 236 | Lê Quốc Anh            | Viện Kỹ thuật - Công nghệ        | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 01/10/2019 | 8  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 237 | Lê Văn Chương          | Viện Kỹ thuật - Công nghệ        | 1985 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 15/10/2019 | 11 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 238 | Lê Đình Công           | Viện Kỹ thuật - Công nghệ        | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 7  | 15/10/2019 | 8  | 15/10/2020 |    |    |    |
| 239 | Tạ Hùng Cường          | Viện Kỹ thuật - Công nghệ        | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 12/11/2019 | 10 | 12/11/2020 |    |    |    |
| 240 | Trần Xuân Hào          | Viện Kỹ thuật - Công nghệ        | 1972 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 18 | 01/11/2019 | 19 | 01/11/2020 |    |    |    |
| 241 | Nguyễn Thị Quỳnh Hoa   | Viện Kỹ thuật - Công nghệ        | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 11 | 15/10/2019 | 12 | 15/10/2020 |    |    |    |



|     | 1                      | 2                              | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|------------------------|--------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 242 | Hoàng Võ Tùng Lâm      | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 5  | 18/11/2019 | 6  | 18/11/2020 |    |    |    |
| 243 | Nguyễn Hoa Lư          | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1953 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 37 | 01/12/2019 | 38 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 244 | Phạm Trà My            | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1988 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 22/09/2019 | 10 | 22/09/2020 |    |    |    |
| 245 | Nguyễn Phúc Ngọc       | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1978 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 14 | 15/10/2019 | 15 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 246 | Phan Anh Phong         | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1969 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 25 | 01/09/2019 | 26 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 247 | Hồ Sỹ Phương           | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 12/11/2019 | 10 | 12/11/2020 |    |    |    |
| 248 | Cao Thanh Sơn          | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/10/2019 | 16 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 249 | Nguyễn Thị Minh Tâm    | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 14 | 15/10/2019 | 15 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 250 | Lê Văn Thành           | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1985 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 01/10/2019 | 8  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 251 | Nguyễn Thị Kim Thu     | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1981 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 12 | 01/10/2019 | 13 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 252 | Hồ Thị Huyền Thương    | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1975 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 21 | 01/09/2019 | 22 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 253 | Đỗ Mai Trang           | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 6  | 01/07/2019 | 7  | 01/07/2020 |    |    |    |
| 254 | Nguyễn Thị Uyên        | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 22/09/2019 | 10 | 22/09/2020 |    |    |    |
| 255 | Hoàng Hữu Việt         | Viện Kỹ thuật - Công nghệ      | 1972 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 13 | 01/09/2019 | 14 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 256 | Tạ Thị Bình            | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 13 | 15/09/2019 | 14 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 257 | Phạm Mỹ Dung           | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 12 | 15/09/2019 | 13 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 258 | Cao Thị Thu Dung       | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1985 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 22/09/2019 | 10 | 22/09/2020 |    |    |    |
| 259 | Nguyễn Thị Hương Giang | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1983 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 15/09/2019 | 11 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 260 | Thái Thị Ngọc Lam      | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 22/09/2019 | 10 | 22/09/2020 |    |    |    |
| 261 | Hoàng Thị Mai          | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1986 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 18/08/2019 | 7  | 18/08/2020 |    |    |    |
| 262 | Hồ Thị Nhung           | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1986 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 22/09/2019 | 10 | 22/09/2020 |    |    |    |
| 263 | Đậu Khắc Tài           | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1976 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 17 | 20/10/2019 | 18 | 20/10/2020 |    |    |    |
| 264 | Nguyễn Thị Thanh       | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 14 | 01/09/2019 | 15 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 265 | Nguyễn Thị Thanh       | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 13 | 15/09/2019 | 14 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 266 | Trần Hậu Thìn          | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 11 | 15/10/2014 | 12 | 15/07/2020 | 4  | 9  |    |



|     | 1                     | 2                              | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|-----------------------|--------------------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 267 | Nguyễn Thị Thúy       | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1985 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 8  | 15/09/2019 | 9  | 15/09/2020 |    |    |    |
| 268 | Nguyễn Thị Bích Thủy  | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1978 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 14 | 15/10/2019 | 15 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 269 | Trần Ngọc Toàn        | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1982 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 10 | 15/09/2019 | 11 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 270 | Nguyễn Thức Tuấn      | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 12 | 01/11/2019 | 13 | 01/11/2020 |    |    |    |
| 271 | Trần Anh Tuấn         | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1979 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 8  | 15/09/2019 | 9  | 15/09/2020 |    |    |    |
| 272 | Trần Thị Tuyền        | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1982 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 12 | 15/10/2019 | 13 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 273 | Trương Thị Thành Vinh | Viện Nông nghiệp và Tài nguyên | 1984 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 9  | 01/10/2019 | 10 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 274 | Nguyễn Thị Giang An   | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1970 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 21 | 01/08/2019 | 22 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 275 | Ông Vĩnh An           | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1969 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 20 | 01/09/2019 | 21 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 276 | Nguyễn Duy Bình       | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1959 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 36 | 01/09/2019 | 37 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 277 | Nguyễn Thị Chung      | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1975 | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 20 | 01/12/2019 | 21 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 278 | Nguyễn Thành Công     | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 21 | 01/09/2019 | 22 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 279 | Lê Văn Đoàn           | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 12 | 01/09/2019 | 13 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 280 | Đậu Xuân Đức          | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 9  | 01/08/2019 | 10 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 281 | Nguyễn Văn Đức        | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 14 | 01/09/2019 | 15 | 01/12/2020 |    | 3  |    |
| 282 | Nguyễn Lâm Đức        | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 18 | 01/09/2019 | 19 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 283 | Trương Thị Dung       | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 19 | 01/12/2019 | 20 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 284 | Cao Cự Giác           | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1974 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 20 | 01/09/2019 | 21 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 285 | Trương Thị Bình Giang | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1987 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 02/08/2019 | 9  | 02/08/2020 |    |    |    |
| 286 | Lê Thị Thúy Hà        | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1970 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 26 | 01/09/2019 | 27 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 287 | Đào Thị Thanh Hà      | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1972 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 22 | 01/08/2019 | 23 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 288 | Nguyễn Hoàng Hào      | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1984 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 8  | 02/08/2019 | 9  | 02/08/2020 |    |    |    |
| 289 | Nguyễn Bùi Hậu        | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1989 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 6  | 01/08/2019 | 7  | 01/08/2020 |    |    |    |
| 290 | Phạm Thị Thu Hiền     | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1974 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 20 | 01/10/2019 | 21 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 291 | Đinh Huy Hoàng        | Viện Sư phạm tự nhiên          | 1956 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 41 | 01/09/2019 | 42 | 01/09/2020 |    |    |    |



|     | 1                    | 2                     | 3    | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|----------------------|-----------------------|------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 292 | Phan Thị Minh Huyền  | Viện Sư phạm tự nhiên | 1980 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 11 | 01/10/2019 | 12 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 293 | Đình Xuân Khoa       | Viện Sư phạm tự nhiên | 1960 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 32 | 01/09/2019 | 33 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 294 | Thái Thị Hồng Lam    | Viện Sư phạm tự nhiên | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 21 | 01/11/2019 | 22 | 01/11/2020 |    |    |    |
| 295 | Nguyễn Thị Hồng Loan | Viện Sư phạm tự nhiên | 1974 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 18 | 05/08/2019 | 19 | 05/08/2020 |    |    |    |
| 296 | Phan Lê Na           | Viện Sư phạm tự nhiên | 1964 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 26 | 02/12/2019 | 27 | 02/12/2020 |    |    |    |
| 297 | Nguyễn Đình Nhâm     | Viện Sư phạm tự nhiên | 1959 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 32 | 01/09/2019 | 33 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 298 | Trần Thị Kim Oanh    | Viện Sư phạm tự nhiên | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 21 | 01/09/2019 | 22 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 299 | Phạm Thị Phú         | Viện Sư phạm tự nhiên | 1959 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 33 | 01/10/2019 | 34 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 300 | Nguyễn Thành Quang   | Viện Sư phạm tự nhiên | 1958 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 38 | 01/09/2019 | 39 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 301 | Nguyễn Văn Quảng     | Viện Sư phạm tự nhiên | 1957 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 37 | 01/09/2019 | 38 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 302 | Phạm Thị Như Quỳnh   | Viện Sư phạm tự nhiên | 1979 | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 13 | 15/08/2019 | 14 | 15/08/2020 |    |    |    |
| 303 | Vũ Thị Hồng Thanh    | Viện Sư phạm tự nhiên | 1974 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 19 | 01/09/2019 | 20 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 304 | Lê Văn Thành         | Viện Sư phạm tự nhiên | 1978 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 12 | 15/12/2019 | 13 | 15/12/2020 |    |    |    |
| 305 | Nguyễn Thị Thảo      | Viện Sư phạm tự nhiên | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 15/10/2019 | 15 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 306 | Nguyễn Quốc Thơ      | Viện Sư phạm tự nhiên | 1973 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 21 | 01/07/2019 | 22 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 307 | Hồ Anh Tuấn          | Viện Sư phạm tự nhiên | 1976 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 10 | 01/12/2019 | 11 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 308 | Phan Thị Hồng Tuyết  | Viện Sư phạm tự nhiên | 1971 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 26 | 01/09/2019 | 27 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 309 | Võ Thị Hồng Vân      | Viện Sư phạm tự nhiên | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 10 | 01/08/2019 | 11 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 310 | Bùi Thị Càn          | Viện Sư phạm Xã hội   | 1980 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 9  | 15/09/2019 | 10 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 311 | Hoàng Trọng Canh     | Viện Sư phạm Xã hội   | 1957 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 39 | 01/09/2019 | 40 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 312 | Phạm Vũ Chung        | Viện Sư phạm Xã hội   | 1977 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 16 | 01/09/2019 | 17 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 313 | Biện Văn Điền        | Viện Sư phạm Xã hội   | 1957 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 38 | 01/09/2019 | 39 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 314 | Phan Huy Dũng        | Viện Sư phạm Xã hội   | 1961 | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 33 | 01/12/2019 | 34 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 315 | Nguyễn Thị Duyên     | Viện Sư phạm Xã hội   | 1975 | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 19 | 23/10/2019 | 20 | 23/10/2020 |    |    |    |
| 316 | Lưu Thị Trường Giang | Viện Sư phạm Xã hội   | 1981 | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 14 | 01/09/2018 | 15 | 01/09/2020 | 1  |    |    |



| 1   | 2                      | 3                   | 4       | 5          | 6  | 7          | 8  | 9          | 10 | 11 | 12 |
|-----|------------------------|---------------------|---------|------------|----|------------|----|------------|----|----|----|
| 317 | Võ Thị Thu Hà          | Viện Sư phạm Xã hội | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 17 | 01/09/2019 | 18 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 318 | Nguyễn Thị Việt Hà     | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 12 | 15/10/2019 | 13 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 319 | Nguyễn Thị Hà          | Viện Sư phạm Xã hội | Thạc sĩ | V.07.01.02 | 25 | 03/09/2019 | 26 | 03/09/2020 |    |    |    |
| 320 | Nguyễn Thị Ngọc Hà     | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 01/12/2019 | 15 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 321 | Nguyễn Thị Hoài        | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 14 | 15/10/2019 | 15 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 322 | Nguyễn Quang Hồng      | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 28 | 01/09/2019 | 29 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 323 | Trịnh Thị Mai          | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 32 | 01/10/2019 | 33 | 01/10/2020 |    |    |    |
| 324 | Trần Thị Ly Na         | Viện Sư phạm Xã hội | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 8  | 01/10/2019 | 9  | 01/10/2020 |    |    |    |
| 325 | Hoàng Thị Nga          | Viện Sư phạm Xã hội | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 24 | 01/09/2019 | 25 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 326 | Ngô Thị Quỳnh Nga      | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 01/08/2019 | 11 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 327 | Biện Thị Quỳnh Nga     | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 9  | 04/09/2019 | 10 | 04/09/2020 |    |    |    |
| 328 | Lê Thanh Nga           | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 8  | 01/09/2019 | 9  | 01/09/2020 |    |    |    |
| 329 | Đặng Hoàng Oanh        | Viện Sư phạm Xã hội | Thạc sĩ | V.07.01.03 | 7  | 12/07/2019 | 8  | 12/07/2020 |    |    |    |
| 330 | Lê Thị Hồ Quang        | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 21 | 01/12/2019 | 22 | 01/12/2020 |    |    |    |
| 331 | Trần Vũ Tài            | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 20 | 01/09/2019 | 21 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 332 | Nguyễn Thị Trang Thanh | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 16 | 01/09/2019 | 17 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 333 | Nguyễn Thị Thanh Trâm  | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 01/08/2019 | 11 | 01/08/2020 |    |    |    |
| 334 | Nguyễn Văn Tứ          | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.01 | 38 | 01/09/2019 | 39 | 01/09/2020 |    |    |    |
| 335 | Phan Thị Cẩm Vân       | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.03 | 10 | 03/11/2019 | 11 | 03/11/2020 |    |    |    |
| 336 | Vũ Thị Vinh            | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 16 | 05/09/2019 | 17 | 05/09/2020 |    |    |    |
| 337 | Lương Thị Thanh Vinh   | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 12 | 15/10/2019 | 13 | 15/10/2020 |    |    |    |
| 338 | Hoàng Phan Hải Yến     | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 13 | 15/09/2019 | 14 | 15/09/2020 |    |    |    |
| 339 | Tôn Nữ Hải Yến         | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 12 | 01/07/2019 | 13 | 01/07/2020 |    |    |    |
| 340 | Hoàng Thị Hải Yến      | Viện Sư phạm Xã hội | Tiến sĩ | V.07.01.02 | 15 | 01/09/2019 | 16 | 01/09/2020 |    |    |    |

(Danh sách gồm có 340 người)







BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Số: 807 /ĐHV-TCCB

V/v đăng ký ứng viên thi thăng  
hạng chức danh nghề nghiệp giảng  
viên chính (hạng II) năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 30 tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Nhà giáo và Cán bộ Quản lý Cơ sở giáo dục.

Thực hiện công văn số 2616/BGDĐT-NGCBQLGD và công văn số 2617/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 17/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), giảng viên chính (hạng II) năm 2019, ngày 24/6/2019 Trường Đại học Vinh đã ban hành công văn số 656/ĐHV-TCCB, về việc thu nhận hồ sơ xét dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), giảng viên chính (hạng II). Từ ngày 24/6/2019 đến ngày 15/7/2019 Nhà trường đã tiến hành thu nhận hồ sơ của các ứng viên đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I) và Giảng viên chính (hạng II).

Ngày 11/7/2019 Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã ban hành Quyết định số 1862/QĐ-ĐHV về việc thành lập Hội đồng xét hồ sơ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) năm 2019,

Ngày 30/7/2019 Hội đồng đã họp xét duyệt hồ sơ ứng viên đăng ký thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) năm 2019, kết quả như sau (*danh sách cụ thể kèm theo*).

Vậy, Trường Đại học Vinh kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xét duyệt cho các ứng viên trên của Trường được tham gia kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) năm 2019.

Trường Đại học Vinh xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: TCCB, HCTH.



GS.TS Đinh Xuân Khoa



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
DỰ THI THANG HÀNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2019  
(Kèm theo Công văn số: 807/DH-TCCB, ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

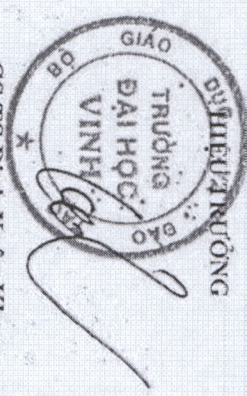
| TT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh<br>(dd/mm/yyyy) |          | Chức vụ hoặc<br>chức danh<br>công tác | Cơ quan đơn vị<br>đang làm việc | Thời<br>gian<br>giữ<br>hạng<br>(kể cả<br>thời<br>giảm giữ<br>hạng<br>hoặc<br>hạng<br>tương<br>đương) | Mức lương hiện<br>hưởng |            | Mã số<br>hạng<br>chức<br>danh<br>nghề<br>nghiệp<br>hiện giữ | Trình độ<br>chuyên<br>môn | Trình<br>độ lý<br>luận<br>chính<br>trị | Chứng<br>chỉ bồi<br>dưỡng<br>NVSP<br>cho<br>giảng<br>viên | Chứng<br>chỉ bồi<br>dưỡng<br>giảng<br>viên<br>chính<br>(hạng II) | Cổ đề<br>án, công<br>trình<br>học theo<br>quy<br>định | Được<br>miễn thi |      | Ngoại<br>ngữ đăng<br>ký thi | Khối<br>trình<br>ngành | Ghi<br>chú |
|----|----------------------|-------------------------------------|----------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------|------|-----------------------------|------------------------|------------|
|    |                      | Nam                                 | Nữ       |                                       |                                 |                                                                                                      | 8                       | 9          |                                                             |                           |                                        |                                                           |                                                                  |                                                       | 10               | 11   |                             |                        |            |
| 1  | 2                    | 3                                   | 4        | 5                                     | 6                               | 7                                                                                                    | 8                       | 9          | 10                                                          | 11                        | 12                                     | 13                                                        | 14                                                               | 15                                                    | 16               | 17   | 18                          | 19                     |            |
| 1  | Nguyễn Anh Chương    | 03.07.78                            |          | Trưởng Ban                            | Trường Đại học Vinh             | 15                                                                                                   | 3.99                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | CC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Học NN           | Miền | I                           |                        |            |
| 2  | Nguyễn Thị Thu Hằng  |                                     | 12.04.81 |                                       | Trường Đại học Vinh             | 15                                                                                                   | 3.99                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | SC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Bảng 2           | Miền | I                           |                        |            |
| 3  | Võ Văn Đăng          | 02.02.82                            |          | Trưởng Bộ môn                         | Trường Đại học Vinh             | 13                                                                                                   | 3.66                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | SC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Học NN           | Miền | I                           |                        |            |
| 4  | Nguyễn Trí Lực       | 20.07.74                            |          | Phó Trường Khoa                       | Trường Đại học Vinh             | 18                                                                                                   | 4.65                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | TC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Học NN           | Miền | I                           |                        |            |
| 5  | Đặng Thủy Anh        |                                     | 28.10.82 |                                       | Trường Đại học Vinh             | 13                                                                                                   | 3.66                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | SC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Bảng 2           | Miền | III                         |                        |            |
| 6  | Đường Thị Quỳnh Liên |                                     | 14.06.79 |                                       | Trường Đại học Vinh             | 15                                                                                                   | 3.99                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | SC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Bảng 2           | Miền | III                         |                        |            |
| 7  | Nguyễn Thị Thanh Hòa |                                     | 07.06.81 |                                       | Trường Đại học Vinh             | 13                                                                                                   | 3.66                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | SC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Bảng 2           | Miền | III                         |                        |            |
| 8  | Nguyễn Hoàng Dũng    | 27.12.80                            |          | Phó Trưởng bộ môn                     | Trường Đại học Vinh             | 13                                                                                                   | 3.66                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | SC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Bảng 2           | Miền | III                         |                        |            |
| 9  | Nguyễn Hữu Quyết     | 14.09.79                            |          | Phó trưởng khoa                       | Trường Đại học Vinh             | 13                                                                                                   | 3.66                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | TC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | B1 Pháp          | Pháp | I                           | CC Quá hạn             |            |
| 10 | Nguyễn Duy Bình      | 09.09.75                            |          | Trưởng bộ môn                         | Trường Đại học Vinh             | 16                                                                                                   | 4.32                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | TC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | C1<br>TA         | Miền | I                           |                        |            |
| 11 | Trần Thị Ngọc Yến    |                                     | 05.08.80 | Trưởng bộ môn                         | Trường Đại học Vinh             |                                                                                                      | 3.99                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | TC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Học NN           | Pháp | I                           |                        |            |
| 12 | Nguyễn Trọng Hà      | 25.04.80                            |          | Trưởng bộ môn                         | Trường Đại học Vinh             | 14                                                                                                   | 3.66                    | V.07.01.03 | Tiến sĩ                                                     | SC                        | Có                                     | Có                                                        | Đủ                                                               | CC                                                    | Bảng 2           | Miền | V                           |                        |            |



| 1  | 2                   | 3        | 4        | 5                     | 6                   | 7  | 8    | 9          | 10      | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16     | 17   | 18  | 19         |
|----|---------------------|----------|----------|-----------------------|---------------------|----|------|------------|---------|----|----|----|----|----|--------|------|-----|------------|
| 13 | Trần Ngọc Long      | 20.10.77 |          | Trường khoa           | Trường Đại học Vinh | 11 | 3.66 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | TC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | V   |            |
| 14 | Phạm Hồng Sơn       | 20.05.77 |          | Giảng viên (hạng III) | Trường Đại học Vinh | 14 | 3.66 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | B2     | Miền | V   |            |
| 15 | Đào Quang Thắng     | 10.03.79 |          | Giảng viên (hạng III) | Trường Đại học Vinh | 16 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | III |            |
| 16 | Tăng Thị Thanh Sang |          | 13.11.77 | Giám đốc              | Trường Đại học Vinh | 14 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | TC | Có | Có | Đủ | CC | Học NN | Miền | III |            |
| 17 | Nguyễn Ngọc Hiếu    | 22.09.80 |          | Giám đốc              | Trường Đại học Vinh | 16 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | CC | Có | Có | Đủ | TS | Học NN | Miền | I   |            |
| 18 | Nguyễn Thị Duyên    |          | 15.12.75 |                       | Trường Đại học Vinh | 22 | 4.65 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | B2     | Anh  | I   | CC Quá hạn |
| 19 | Bùi Minh Thuận      | 08.10.78 |          |                       | Trường Đại học Vinh | 15 | 3.66 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | B2     | Anh  | VII | CC Quá hạn |
| 20 | Nguyễn Thị Hải Yến  |          | 20.05.82 |                       | Trường Đại học Vinh | 14 | 3.66 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | VII |            |
| 21 | Đặng Thị Minh Lý    |          | 26.05.76 | Phó Viện trưởng       | Trường Đại học Vinh | 18 | 4.32 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | TC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | V   |            |
| 22 | Nguyễn Tiến Dũng    | 05.07.79 |          | Trường bộ môn         | Trường Đại học Vinh | 13 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | V   |            |
| 23 | Trình Ngọc Hoàng    | 06.04.80 |          | Trường bộ môn         | Trường Đại học Vinh | 13 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Học NN | Miền | V   |            |
| 24 | Cao Thanh Sơn       | 09.08.78 |          | Trường bộ môn         | Trường Đại học Vinh | 15 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | TS | Học NN | Miền | V   |            |
| 25 | Võ Thị Vinh         |          | 27.08.77 |                       | Trường Đại học Vinh | 16 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | I   |            |
| 26 | Đặng Như Thương     |          | 12.12.80 |                       | Trường Đại học Vinh | 13 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | I   |            |
| 27 | Lê Thanh Nga        |          | 06.09.76 |                       | Trường Đại học Vinh | 10 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | I   |            |
| 28 | Dương Thị Thanh Hải |          | 28.08.78 |                       | Trường Đại học Vinh | 16 | 4.32 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | I   |            |
| 29 | Mai Phương Ngọc     |          | 25.09.84 | Trường bộ môn         | Trường Đại học Vinh | 9  | 3.33 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | TC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | I   |            |
| 30 | Nguyễn Đức Diện     | 10.09.79 |          | Trường bộ môn         | Trường Đại học Vinh | 11 | 3.66 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | TC | Có | Có | Đủ | CC | B2     | Miền | VII |            |
| 31 | Tôn Nữ Hải Yến      |          | 16.02.81 |                       | Trường Đại học Vinh | 11 | 3.66 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | B2     | Anh  | I   | CC Quá hạn |
| 32 | Bùi Thị Cần         |          | 24.09.80 | Trường Bộ môn         | Trường Đại học Vinh | 11 | 3.66 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | I   |            |
| 33 | Hoàng Thị Hải Yến   |          | 01.11.79 |                       | Trường Đại học Vinh | 13 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Bảng 2 | Miền | I   |            |
| 34 | Mai Thị Thanh Nga   |          | 21.10.79 |                       | Trường Đại học Vinh | 14 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | B2     | Anh  | I   | CC Quá hạn |
| 35 | Phạm Vũ Chung       | 20.03.77 |          |                       | Trường Đại học Vinh | 17 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | B2     | Anh  | I   | CC Quá hạn |
| 36 | Vũ Thị Hồng Thanh   |          | 12.10.74 |                       | Trường Đại học Vinh | 19 | 4.32 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | ĐH | Bảng 2 | Miền | I   |            |
| 37 | Lê Thị Thúy Hà      |          | 06.10.70 | Phó Trưởng bộ môn     | Trường Đại học Vinh | 15 | 4.98 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC |        | Anh  | I   |            |
| 38 | Nguyễn Thị Thảo     |          | 12.04.80 |                       | Trường Đại học Vinh | 16 | 3.99 | V 07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | B2     | Anh  | I   | CC Quá hạn |



| 1  | 2                | 3        | 4        | 5                 | 6                   | 7  | 8    | 9          | 10      | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16     | 17   | 18 | 19 |
|----|------------------|----------|----------|-------------------|---------------------|----|------|------------|---------|----|----|----|----|----|--------|------|----|----|
| 39 | Đậu Xuân Đức     | 20.05.80 |          | Phó Trưởng bộ môn | Trường Đại học Vinh | 13 | 3.99 | V.07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Học NN | Miễn | 1  |    |
| 40 | Hồ Anh Tuấn      | 01.09.76 |          |                   | Trường Đại học Vinh | 14 | 3.99 | V.07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Học NN | Miễn | 1  |    |
| 41 | Bùi Đình Thuận   | 03.11.79 |          | Trưởng bộ môn     | Trường Đại học Vinh | 13 | 3.99 | V.07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Học NN | Miễn | 1  |    |
| 42 | Võ Thị Hồng Vân  |          | 02.08.81 |                   | Trường Đại học Vinh | 14 | 3.99 | V.07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | CC | Học NN | Miễn | 1  |    |
| 43 | Thiếu Đình Phong | 01.11.83 |          | Phó Viện trưởng   | Trường Đại học Vinh | 12 | 3.66 | V.07.01.03 | Tiến sĩ | CC | Có | Có | Đủ | CC | Học NN | Miễn | 1  |    |
| 44 | Trần Xuân Sang   | 04.12.81 |          | Trưởng Bộ môn     | Trường Đại học Vinh | 11 | 3.66 | V.07.01.03 | Tiến sĩ | SC | Có | Có | Đủ | TS | Học NN | Miễn | 1  |    |



GS.TS Đinh Xuân Khoa